



SÁCH TRẮNG

RỦI RO THIÊN TAI - BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

SÁCH TRẮNG

RỦI RO THIÊN TAI - BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Hà Nội, 2017



Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) là tổ chức quốc gia tập hợp và đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, người sử dụng lao động và các hiệp hội doanh nghiệp ở Việt Nam. Sứ mệnh của VCCI là phát triển, bảo vệ và hỗ trợ doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thúc đẩy các quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại và khoa học, công nghệ giữa Việt Nam và các nước trên thế giới.



The Asia Foundation

Quỹ Châu Á (The Asia Foundation) là một tổ chức phi chính phủ cam kết cải thiện cuộc sống tại khu vực đang phát triển năng động tại Châu Á. Với sáu thập kỷ kinh nghiệm và mạng lưới văn phòng tại 18 quốc gia Châu Á, Quỹ Châu Á ưu tiên giải quyết những vấn đề nóng đang đe dọa Châu Á trong thế kỷ 21 bao gồm quản trị và luật, phát triển kinh tế, trao quyền cho phụ nữ, sức khỏe, môi trường và hợp tác khu vực.

SÁCH TRẮNG

RỦI RO THIÊN TAI - BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

**Bên cạnh tác động xấu,
biến đổi khí hậu có thể mang đến
cơ hội kinh doanh.**

MỤC LỤC

1. RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU: TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

1.1. Rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu ở Việt Nam.....	2
1.1.1. Tình hình chung về thiên tai và BĐKH trên toàn cầu và Việt Nam.....	2
1.1.2. Tác động chung của BĐKH tới nền kinh tế Việt Nam.....	6
1.1.3. Nhận thức và chính sách ứng phó với BĐKH của Việt Nam.....	6
1.2. Tác động của BĐKH đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.....	9
1.2.1. Tác động tới các doanh nghiệp lĩnh vực nông nghiệp.....	10
1.2.2. Tác động tới các doanh nghiệp ngành Lâm nghiệp.....	17
1.2.3. Tác động tới các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến - chế tạo.....	19
1.2.4. Tác động tới các định chế tài chính.....	22
1.2.5. Tác động tới các doanh nghiệp ngành năng lượng.....	27
1.2.6. Tác động tới các doanh nghiệp của ngành du lịch	29
1.2.7. Tác động tới các doanh nghiệp của các ngành khác.....	30

2. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

2.1. Doanh nghiệp và những hành động thích ứng với

thách thức 34

2.1.1. Các doanh nghiệp tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải trong sản xuất 34

2.1.2. Các doanh nghiệp trồng trọt tiết kiệm nước và chuyển đổi đối tượng sản xuất để thích ứng với hạn và xâm nhập mặn 36

2.1.3. Các doanh nghiệp ngành thủy sản chuyển đổi đối tượng nuôi trồng để thích ứng với hạn và xâm nhập mặn 38

2.1.4. Các doanh nghiệp tăng đầu tư cho cơ sở vật chất, hệ thống hạ tầng nhằm ứng phó với thách thức 40

2.1.5. Doanh nghiệp sử dụng các biện pháp nhằm chuyển giao rủi ro/ giảm thiểu rủi ro qua dịch vụ bảo hiểm 41

2.1.6. Điều chỉnh danh mục cho vay của các ngân hàng 43

2.1.7. Điều chỉnh danh mục đầu tư của định chế đầu tư 45

2.1.8. Doanh nghiệp ngành du lịch thích ứng với BĐKH 46

2.2. Doanh nghiệp và những hành động phát huy cơ hội

làm giảm nhẹ BĐKH và tăng tính bền vững trong kinh doanh 47

2.2.1. Doanh nghiệp ngành nông lâm nghiệp nắm bắt cơ hội kinh doanh mới do sự thay đổi về khí hậu giữa các vùng 47

2.2.2. Doanh nghiệp nắm bắt cơ hội kinh doanh mới từ sự thay đổi của chuỗi cung ứng toàn cầu do hệ quả của quá trình BĐKH 49

2.2.3. Doanh nghiệp ngành vật liệu xây dựng nắm bắt cơ hội kinh doanh mới từ chuyển đổi công nghệ tiết kiệm năng lượng 50

2.2.4. Doanh nghiệp ngành năng lượng nắm bắt cơ hội kinh doanh mới từ sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo 53

2.2.5. Doanh nghiệp ngành lâm nghiệp tăng cường cung cấp dịch vụ môi trường rừng để ứng phó với BĐKH 55

2.2.6. Doanh nghiệp ngành Ngân hàng, Tài chính, Bảo hiểm phát triển và kinh doanh các sản phẩm mới 58

3. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC, NHÀ TÀI TRỢ VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

3.1. Khung hành động của nhà nước và các bên liên

quan 63

3.1.1. Thực hiện chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp về tác động của BĐKH, thiên tai và sự cần thiết thực hiện các hoạt động ứng phó 63

3.1.2. Phát triển các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thích ứng với các thách thức và tận dụng được các cơ hội do BĐKH tạo nên 65

3.1.3. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện những sáng kiến nêu trên 67

3.1.4. Điều chỉnh danh mục đầu tư: Hỗ trợ những dự án có công nghệ giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng 68

3.1.5. Hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới theo hướng giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng 69

3.2. Kết luận 70

TỪ VIẾT TẮT

RRTT	<i>Rủi ro thiên tai</i>
BĐKH	<i>Biến đổi khí hậu</i>
COP	<i>Hội nghị các bên trong khuôn khổ Chương trình khung của Liên hiệp quốc về biến đổi khí hậu</i>
ĐBSCL	<i>Đồng bằng sông Cửu Long</i>
DN	<i>Doanh nghiệp</i>
DVMTR	<i>Dịch vụ môi trường rừng</i>
HTX	<i>Hợp tác xã</i>
IFC	<i>Tập đoàn Tài chính Quốc tế</i>
KGTF	<i>Quỹ Tín thác Tăng trưởng Xanh Hàn Quốc</i>
NN PTNT	<i>Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</i>
TAF	<i>Quỹ Châu Á</i>
TNHH	<i>Trách nhiệm hữu hạn</i>
TP.HCM	<i>Thành phố Hồ Chí Minh</i>
USD	<i>Đô la Mỹ</i>
VCCI	<i>Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam</i>
VCIC	<i>Trung tâm Đổi mới sáng tạo ứng phó với BĐKH Việt Nam</i>
WB	<i>Ngân hàng Thế giới</i>
WHO	<i>Tổ chức Y tế Thế giới</i>

LỜI GIỚI THIỆU

Cuốn sách này được thực hiện bởi Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam trên cơ sở hợp tác với Quỹ Châu Á với mục đích: Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp Việt Nam về các thách thức và cơ hội do rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu và gửi đi những thông điệp kêu gọi cộng đồng doanh nghiệp cũng như các bên có liên quan hành động trước những thách thức và cơ hội đó.

Nội dung cuốn sách gồm: 1. Những tác động của rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đến doanh nghiệp một số ngành kinh tế tại Việt Nam – Trong phần này, cuốn sách thảo luận những thông tin được tập hợp về hiện trạng rủi ro thiên tai và BĐKH tại Việt Nam, những rủi ro/ thách thức và cơ hội đối với doanh nghiệp đang hoạt động tại một số ngành kinh tế, diễn biến nhận thức và chính sách về BĐKH của Việt Nam; 2. Những hành động của doanh nghiệp các ngành ứng phó với BĐKH: Phần này thảo luận về những hành động của doanh nghiệp trong thích ứng với những rủi ro, thách thức do BĐKH gây ra và đặc biệt còn thảo luận về những mô hình tận dụng cơ hội/ lợi thế mang lại cho doanh nghiệp trong tham gia các hoạt động giảm phát thải, giảm tình trạng BĐKH... nhằm kêu gọi doanh nghiệp các ngành tham gia nhiều hơn vào ứng phó với BĐKH. Cuối cùng, phần 3 cuốn sách trình bày những thông điệp dành cho cơ quan Nhà nước, các nhà tài trợ và các bên liên quan... nhằm thúc đẩy các hỗ trợ dành cho doanh nghiệp trong ứng phó với BĐKH.

Cuốn sách này được hoàn thành bởi Nhóm nghiên cứu từ Economica Vietnam gồm Phạm Tiến Dũng, Lê Duy Bình, Nguyễn Thúy Nhị và Trương Đức Trọng với sự tham gia của các chuyên gia Ban Pháp chế - Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam gồm Đậu Anh Tuấn, Phạm Ngọc Thạch và Bùi Linh Chi. Trong quá trình thực hiện, Nhóm nghiên cứu nhận được sự hướng dẫn kỹ thuật, góp ý và hiệu chỉnh bản thảo của TS. Michael Digregorio, Nguyễn Trí Thanh và Lê Quang Trung (Quỹ Châu Á) cùng với sự hỗ trợ của rất nhiều chuyên gia khác đã tham gia xây dựng và góp ý cho Sách Trắng.

Với mục đích và khuôn khổ nội dung như trên, Nhóm tác giả hy vọng Cuốn sách nhỏ này sẽ đóng góp được ít nhiều cho việc thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp vào ứng phó với BĐKH. Trong quá trình soạn thảo chắc chắn sẽ còn nhiều thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý, xây dựng của quý bạn đọc.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, tháng 6 năm 2017

DANH SÁCH CHUYÊN GIA ĐÓNG GÓP Ý KIẾN THAM VẤN

Họ và tên	Chức vụ	Cơ quan
Virginia Foote	Chủ tịch	Công ty Bay Global Strategies, Thành viên HĐQT Phòng Thương mại Hoa Kỳ tại Việt Nam, Đồng Chủ tịch Diễn đàn DN Việt Nam (VBF) 2014-2015
Csaba Bundik	Phó Chủ tịch	Phòng Thương mại Châu Âu tại Việt Nam
Nicolas Drouin	Bí thư thứ nhất	Đại sứ quán Canada
Phạm Cường	Chuyên gia	Dự án Tài chính cho thiên tai, Ngân hàng Thế giới
Cécile Leroy	Quản lý chương trình Năng lượng	Phái đoàn Châu Âu tại Việt nam
Tomaso Andreatta	Chủ tịch	Ủy ban Tăng trưởng Xanh, Phòng Thương mại Châu Âu tại Việt nam
Nguyễn Văn Toàn	Chủ tịch	Hiệp hội doanh nghiệp Đầu tư nước ngoài
Markus Vestner	Tổng Giám đốc	Tập đoàn ABB, chi nhánh Bắc Ninh
Trần Viết Nguyên	Phó trưởng ban Kinh doanh	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
Filip Graovac	Phó Trưởng đại diện - TAF	Quỹ Châu Á
Amarnath Reddy	Giám đốc điều hành	Trung tâm đổi mới sáng tạo ứng phó với biến đổi khí hậu Việt Nam (VCIC)
Nguyễn Trọng Hiệu	Phó Giám đốc	Trung tâm đổi mới sáng tạo ứng phó với biến đổi khí hậu Việt Nam (VCIC)
Lê Minh	Chuyên gia	Trung tâm đổi mới sáng tạo ứng phó với biến đổi khí hậu Việt Nam (VCIC)
Mai Quang Vinh	Chuyên gia	Trung tâm đổi mới sáng tạo ứng phó với biến đổi khí hậu Việt Nam (VCIC)
Lê Thanh Hải	Phó Giám đốc	Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn trung ương

Họ và tên	Chức vụ	Cơ quan
Tô Kim Liên	Giám đốc	Trung tâm giáo dục và phát triển (CED)
Nguyễn Thị Mai Anh	Cán bộ	Trung tâm giáo dục và phát triển (CED)
Nguyễn Anh Phong	Giám đốc Trung tâm	Trung tâm Thông tin Phát triển Nông nghiệp Nông thôn, Viện chính sách - Bộ Nông nghiệp và PTNT
Nguyễn Tiến Quang	Giám đốc	VCCI chi nhánh Đà Nẵng
Nguyễn Diễn	Phó Giám đốc	VCCI chi nhánh Đà Nẵng
Phạm Ngọc Mỹ	Cán bộ	VCCI chi nhánh Hải Phòng
Vũ Xuân Bình	Cán bộ	VCCI chi nhánh Hải Phòng
Hà Huy Ngọc	Chuyên gia	Viện Địa lý nhân văn, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
Trần Duy Khanh	Viện trưởng	Viện Nghiên cứu và Đào tạo Doanh nhân APEC
Trần Duy Khanh	Tiến sĩ	Viện nghiên cứu và đào tạo doanh nhân APEC
PGS.TS Bùi Quang Tuấn	Viện trưởng	Viện Phát triển bền vững, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
Nguyễn Đức Nhật	Giám đốc	Vietsurvey
Phạm Linh Chi	Chuyên gia	Vietsurvey

PHẦN 1

RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU: TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

1.1. Rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu ở Việt Nam

1.1.1. Tình hình chung về thiên tai và BĐKH trên toàn cầu và Việt Nam

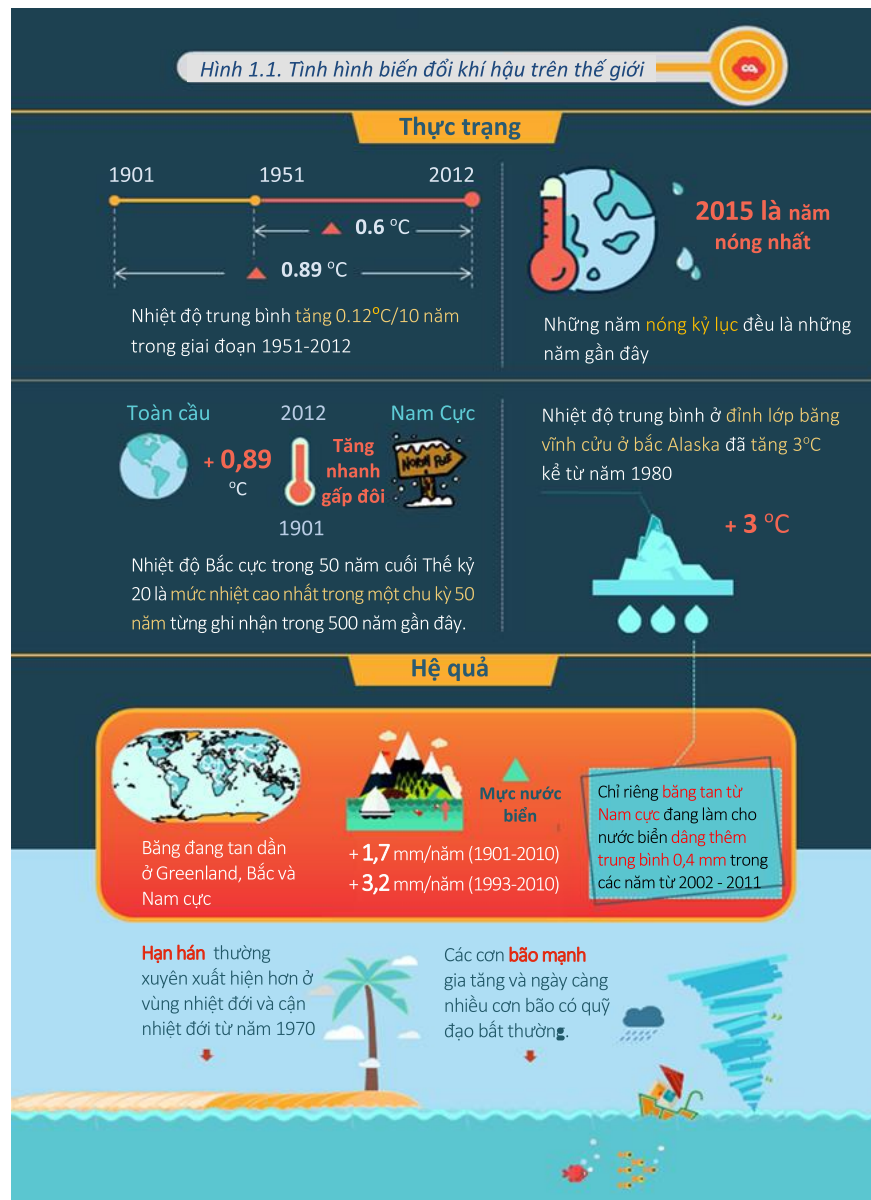
Cùng với những rủi ro thiên tai vốn có như mưa, bão, lũ lụt, sạt lở, động đất..., biến đổi khí hậu (BĐKH) đang ảnh hưởng tới từng quốc gia trên tất cả các lục địa. BĐKH đã và đang ảnh hưởng tới sinh hoạt của con người, cộng đồng và quốc gia, thậm chí làm đảo lộn trật tự kinh tế của một số nước.

Con người đang chứng kiến những tác động rõ rệt của BĐKH, bao gồm thay đổi hình thái thời tiết, nước biển dâng và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động của con người là nguyên nhân của BĐKH và sự tiếp tục gia tăng của BĐKH (Hình 1.1). Mức phát thải hiện nay là cao nhất mọi thời đại trong lịch sử. Nếu không có các hành động nhanh và hiệu quả, nhiệt độ trung bình trên bề mặt trái đất dự báo sẽ tăng mạnh trong thế kỷ 21 và có thể tăng trên 30C, nhiệt độ còn có thể tăng cao hơn ở một số vùng.¹

Biến đổi khí hậu đã và đang góp phần gây ra những rủi ro thiên tai rất lớn như nước biển dâng cao, siêu bão, lũ lụt, hạn hán và xâm nhập mặn, cướp đi sinh mạng hàng triệu người, hủy hoại rất nhiều nhà cửa và công trình, gây ra bệnh dịch khắp nơi do thiếu vệ sinh, tình trạng bất ổn định và tị nạn xã hội hoành hành do nghèo đói và tuyệt vọng. Người nghèo và yếu thế trong xã hội lại là những đối tượng bị ảnh hưởng nhất bởi BĐKH.

¹ United Nation, 17 Goals to transform our world – Goal 13: Take urgent action to combat climate change and its impacts, truy cập tại <http://www.un.org/sustainabledevelopment/climate-change-2/>

Hình 1.1. Tình hình biến đổi khí hậu trên thế giới



Hình 1.2. Tình hình thiên tai do thời tiết cực đoan tại Việt Nam năm 2016



Việt Nam là một trong năm nước được dự báo sẽ bị ảnh hưởng nặng nề nhất của BĐKH. Trong khoảng 50 năm qua, nhiệt độ trung bình năm đã tăng khoảng 0,5 - 0,7°C, mực nước biển đã dâng khoảng 20cm.² BĐKH đã làm cho các thiên tai, đặc biệt là bão, lũ, hạn hán ngày càng khốc liệt. Hậu quả của thiên tai và BĐKH đối với Việt Nam là nghiêm trọng và là một nguy cơ hiện hữu cho mục tiêu xoá đói giảm nghèo, cho việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ và sự phát triển bền vững của Việt Nam.

BĐKH đã làm trầm trọng thêm các thiên tai vốn có tại Việt Nam, gây ra những hiện tượng thời tiết cực đoan như các đợt nắng nóng lịch sử (2009 – 2010), các cơn bão rất lớn như bão Xangsane năm 2006, bão Ketsana 2009, bão Côn Sơn 2010... Năm 2016, cả nước đã hứng chịu nhiều thiệt hại nặng nề do thiên tai gây ra (Hình 1.2).



Hồ Đông Sơn (Thanh Hóa) trở đáy do hạn hán 2016³

² Viện Khoa học Khí hậu Thủy văn và Biến đổi khí hậu (IMHEN), Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam năm 2009, 06/08/2015, <http://www.imh.ac.vn/nghep-vu/cat52/53/Kich-ban-bien-doi-khi-hau-nuoc-bien-dang-cho-Viet-Nam-nam>

³ Minh Tuyết – Đức Tinh, Hạn hán ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp ở huyện Tĩnh Gia, Truyền hình Thanh Hóa, 22/07/2016, <http://truyenhinhthanhhoa.vn/web/trang-chu/tin-tuc-su-kien/kinh-te/han-han-anh-huong-den-san-xuat-nong-nghiep-o-huyen-tinh-gia.html>

1.1.2. Tác động chung của BĐKH tới nền kinh tế Việt Nam

Theo các kịch bản BĐKH của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2016, đến cuối thế kỷ 21, sự gia tăng 1m của mực nước biển có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và sinh kế của khoảng 20% dân số và tổn thất có thể lên tới 10% GDP hàng năm đối với Việt Nam.

Báo cáo kết quả nghiên cứu về tính dễ bị tổn thương do BĐKH của tổ chức DARA International (năm 2012) chỉ ra rằng, BĐKH có thể làm Việt Nam thiệt hại khoảng 15 tỉ USD mỗi năm, tương đương khoảng 5% GDP. Nếu Việt Nam không có giải pháp ứng phó kịp thời, thiệt hại do BĐKH ước tính có thể lên đến 11% GDP vào năm 2030.⁴

1.1.3. Nhận thức và chính sách ứng phó với BĐKH của Việt Nam

Ủy ban Liên Chính phủ về BĐKH được thành lập năm 1988 (Intergovernmental Panel on Climate Change - IPCC), là một cơ quan khoa học chịu trách nhiệm đánh giá rủi ro về biến đổi khí hậu. Một trong những hoạt động chính của IPCC là xuất bản các báo cáo đặc biệt về các chủ đề liên quan tới việc thực thi Công ước khung Liên Hiệp Quốc về Biến đổi Khí hậu. Việc thực thi Công ước khung này là tiền đề cho sự ra đời của Nghị định thư Kyoto.⁵

Để tiếp nối những nỗ lực của Nghị định thư Kyoto, Liên Hiệp Quốc đã tổ chức Hội nghị các bên (COP) trong khuôn khổ Chương trình khung của Liên Hiệp Quốc về BĐKH để tìm kiếm một thỏa thuận thay thế Nghị định này. Mới đây, sau rất nhiều nỗ lực ở quy mô toàn cầu, các quốc gia đã thông qua Hiệp định Paris lịch sử tại COP 21 ngày 12/12/2015. Theo Hiệp định này, tất cả các quốc gia đã thống nhất hành động để giới hạn sự gia tăng

⁴Như trên (IMHEN, 2015)

⁵Ủy ban Liên Chính phủ về BĐKH, Wikipedia, https://vi.wikipedia.org/wiki/Ủy_ban_Liên_ch%C3%A0o_nghiep_ph%C3%A0_v%C3%A0_Biến_đổi_Kh%C3%A0_hậu

hiệu ứng nhà kính, nhiệt độ toàn cầu dưới mức 2°C so với thời kỳ tiền công nghiệp, cố gắng để đạt mức 1,5°C. Thực hiện Hiệp định Paris là yêu cầu rất quan trọng để đạt được Mục tiêu Phát triển Bền vững và đưa ra lộ trình ứng phó với BĐKH nhằm giảm phát thải và phát triển khí hậu bền vững.

2°Celsius (°C)
có thể quyết định vận mệnh
của chúng ta

Đây là mức giới hạn tăng nhiệt độ toàn cầu tối đa đến năm 2100. 195 quốc gia tham dự Hội nghị COP 21 tại Pháp đã cam kết hạn chế mức tăng nhiệt độ của Trái Đất ở mức dưới 2°C so với thời kỳ tiền công nghiệp.



Nhận thức rõ ảnh hưởng của BĐKH, Việt Nam đã cử các đoàn đại biểu tham dự các hoạt động của COP 15 đến COP 21 và chủ động tham gia các hoạt động quốc tế về ứng phó với BĐKH trong khuôn khổ Chương trình khung của Liên hiệp quốc về BĐKH. Tháng 11/2016, Chính phủ Việt Nam chính thức phê chuẩn Hiệp định Paris.

Việt Nam đã hoàn thành việc cập nhật các kịch bản BĐKH và đến năm 2015, tiếp tục cập nhật các kịch bản BĐKH, đặc biệt là kịch bản nước biển dâng cho các giai đoạn đến năm 2100. Theo đó, vào cuối thế kỷ 21, nhiệt độ trung bình năm ở Việt Nam tăng khoảng 2,3°C; tổng lượng mưa năm và lượng mưa trong mùa mưa tăng trong khi lượng mưa mùa khô lại giảm; mực nước biển dâng khoảng 75cm so với trung bình thời kỳ 1980 - 1999.

Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH. Một trong những nội dung quan trọng của Chương trình là xây dựng và cập nhật kịch bản BĐKH. Các mục tiêu chính của Chương trình gồm: 1) Đánh giá được mức độ biến đổi của khí hậu Việt Nam do BĐKH toàn cầu và mức độ tác động của BĐKH (bao gồm nước biển dâng và các hiện tượng thời tiết cực đoan) đối với các lĩnh vực, ngành và các địa phương; 2) Xác định được các giải pháp ứng phó với BĐKH; 3) Tăng cường được các hoạt động khoa học – công nghệ nhằm xác lập các cơ sở khoa học và thực tiễn cho các giải pháp ứng phó với BĐKH; 4) Củng cố và tăng cường được năng lực tổ chức, thể chế, chính sách về BĐKH; 5) Nâng cao được nhận thức, trách nhiệm tham gia của cộng đồng và phát triển nguồn nhân lực; 6) Tăng cường được hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của quốc tế trong ứng phó với BĐKH; tận dụng các cơ hội phát triển theo hướng các-bon thấp, góp phần cùng cộng đồng quốc tế giảm nhẹ BĐKH và bảo vệ hiệu quả hệ thống khí hậu toàn cầu; 7) Tích hợp được yếu tố BĐKH vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành và các địa phương; 8) Xây dựng và triển khai được các kế hoạch hành động của các bộ/ngành và địa phương ứng phó với BĐKH; triển khai được các dự án thí điểm. Dựa trên định hướng này nhiều bộ, ngành, địa phương đã triển khai đánh giá tác động của BĐKH, xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động ứng phó.

1.2. Tác động của BĐKH đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam

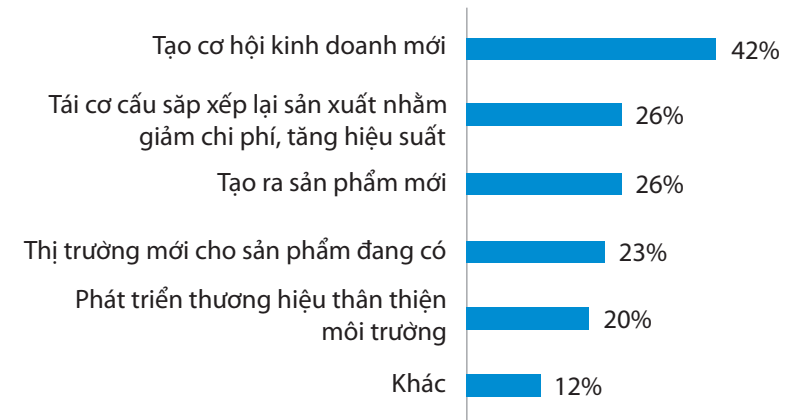
Báo cáo khảo sát “Doanh nghiệp Việt Nam ứng phó với rủi ro thiên tai và BĐKH” do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Quỹ Châu Á (TAF) thực hiện năm 2016 cho thấy nhận thức của doanh nghiệp (DN) về tác động của rủi ro thiên tai và BĐKH có nhiều điểm đáng quan tâm.

Đối với các doanh nghiệp chưa tham gia các khóa đào tạo về rủi ro thiên tai và BĐKH của VCCI và TAF, có 4 vấn đề chính mà họ lo ngại với tỷ lệ tương đối hoặc rất lo ngại trên 50%, bao gồm thị trường (63%), khách hàng (60%), vận hành sản xuất kinh doanh (57%) và cơ sở hạ tầng tại địa phương (52%). Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng bày tỏ lo ngại về công trình nhà xưởng (49%), lực lượng lao động (44%) và chuỗi cung ứng (44%). Dù chiếm tỷ lệ thấp nhất, nhưng cũng có 29% lo ngại danh tiếng của doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng.

Các doanh nghiệp đã từng tham gia khóa đào tạo của VCCI và TAF có những đánh giá khác biệt tương đối rõ so với các doanh nghiệp chưa tham gia. Thay vì việc lo lắng tới thị trường và khách hàng như những doanh nghiệp chưa tham gia, các doanh nghiệp này có lo ngại việc vận hành sản xuất kinh doanh (66%), thị trường (65%) và khách hàng (65%). Những doanh nghiệp này cũng lo lắng trước sự ổn định của chuỗi cung ứng (60%), tới công trình nhà xưởng của doanh nghiệp (59%), cơ sở hạ tầng tại địa phương (57%), hệ thống phân phối (56%). Cũng có tới 53% doanh nghiệp lo ngại về giá trị bảo hiểm tài sản của doanh nghiệp (nhóm không tham gia chỉ là 40%) và 52% lo ngại về những ảnh hưởng tới lực lượng lao động của doanh nghiệp (nhóm không tham gia: 40%).

Tuy vậy, cũng theo Báo cáo trên: “Bất kể là doanh nghiệp từng tham gia hay chưa tham gia khóa đào tạo của VCCI và TAF, đại đa số các doanh nghiệp đều nhận định BĐKH cũng có thể mang lại cơ hội cho doanh nghiệp”. Theo đó, có 42% doanh nghiệp cho biết BĐKH có thể tạo cơ hội kinh doanh mới; 26% cho rằng BĐKH là cơ hội tạo ra sản phẩm mới; 26% cũng cho rằng BĐKH là cơ hội để tái cơ cấu, sắp xếp lại sản xuất nhằm giảm chi phí, tăng hiệu suất. Ngoài ra cũng có 23% doanh nghiệp nhận định BĐKH có thể tạo ra thị trường mới cho sản phẩm đang có của doanh nghiệp, 19% doanh nghiệp cho biết BĐKH cũng có thể tạo cơ hội phát triển thương hiệu cho doanh nghiệp (ví dụ như sản phẩm thân thiện môi trường).

Biểu đồ 1. 1. Cơ hội cho DN do BĐKH mang lại?



1.2.1. Tác động tới các doanh nghiệp lĩnh vực nông nghiệp

BĐKH cũng gây ra các hiện tượng thời tiết cực đoan, tăng cường độ và tần suất thiên tai làm cho thiên tai ngày càng ảnh hưởng nhiều hơn đến sản xuất nông nghiệp. Nước biển dâng sẽ làm giảm diện tích đất nông nghiệp, trong khi xâm mặn, lũ lụt, xói mòn, hạn hán và sa mạc hóa làm suy giảm chất lượng đất.

BĐKH làm thay đổi quy luật và tính chất khí hậu qua đó tác động đến tính tương thích giữa các ngành sản xuất nông nghiệp với các điều kiện khí hậu ví dụ việc giảm nhiệt độ trong mùa đông, tăng thời gian nắng làm mất dần hoặc mất hẳn điều kiện tương thích cho các nhóm cây trồng, vật nuôi dẫn đến giảm năng suất, sản lượng; BĐKH cũng làm thay đổi nền nông nghiệp cổ truyền và làm chậm sự tiến tới nền nông nghiệp hiện đại, BĐKH cũng có thể làm mất đi một số đặc điểm riêng biệt vốn có của các vùng nông nghiệp.

** Tác động của rủi ro thiên tai và BĐKH đối với ngành trồng trọt*

Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc lớn vào thời tiết và trữ lượng nước, rất nhạy cảm với những thay đổi của khí hậu như: lượng mưa, thời tiết cực đoan, tăng nền nhiệt. Sự thay đổi về lượng mưa và nhiệt độ cùng với thiên tai dẫn đến những biến đổi về khả năng thích nghi của cây trồng, làm giảm năng suất các giống cây, mất mùa, là điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh, qua đó làm tăng chi phí sản xuất, tăng giá hàng tiêu dùng và ảnh hưởng trực tiếp tới nền kinh tế.

i

*“Tổng sản lượng sản xuất từ trồng trọt có thể giảm 1-5%, năng suất cây trồng chính có thể giảm đến 10%, trường hợp thời tiết cực đoan có thể mất mùa hoàn toàn; có tới 80-90% dân số Việt Nam chịu ảnh hưởng của bão và nhiều người dân ở vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc phải hứng chịu các thiên tai khách quan như mưa đá, hạn hán, lũ lụt...”*⁶

Ông Cao Đức Phát, nguyên Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

⁶ Phát biểu của nguyên Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Cao Đức Phát tại Hội thảo: “Nông nghiệp Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu: Cơ hội và thách thức”, Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UNDP tổ chức ngày 10/9/2013, <http://www.favri.org.vn/vn/tin-tuc/tin-tuc-cap-nhat/553-nganh-trong-trot-se-chiu-tac-dong-truc-tiep-cua-bien-doi-khi-hau.htm>

BĐKH đã và đang gây áp lực lớn cho sự phát triển của ngành trồng trọt nói riêng và ngành nông nghiệp nói chung. Vùng núi Tây Bắc và Đông Bắc sẽ phải đối mặt với nguy cơ tăng cường độ hạn hán do biến đổi khắc nghiệt của thời tiết. Tại Bắc Trung bộ, tháng 5-6 có thể trở thành các tháng khô nóng thường xuyên như ở Nam Trung bộ, mưa phùn trở nên hiếm hoi. Còn tại khu vực Tây Nguyên, tính bất ổn trong chế độ mưa cũng tăng lên khiến vùng này có khả năng đối mặt với nguy cơ hạn hán bất thường. Xu hướng này ngày càng rõ ràng khi các tỉnh duyên hải miền Trung và Tây Nguyên đang phải đối mặt với tình trạng thiếu nước sản xuất trong vụ Đông Xuân 2012-2013 và cả vụ Hè Thu, vụ Mùa năm 2013. BĐKH còn làm gia tăng một số loài dịch hại mới và các đợt dịch bùng phát trên diện rộng.⁷

BĐKH đã và đang gây nhiều khó khăn cho thủy lợi: Khả năng tiêu thoát nước ra biển giảm đi rõ rệt, mực nước các sông dâng lên, đỉnh lũ tăng thêm, uy hiếp các tuyến đê sông và bờ bao; Diện tích ngập úng tăng cao, thời gian ngập kéo dài; Nhu cầu tiêu nước và cấp nước tăng cao hơn tăng trưởng khả năng đáp ứng của hệ thống thủy lợi...

i

“Hạn hán sẽ có những ảnh hưởng sâu rộng tới sản xuất và xuất khẩu lúa gạo. Ước tính sản lượng nông nghiệp giảm 2,2%. Năm 2016, sản lượng gạo dự tính giảm 1,5%, xuất khẩu gạo được dự báo giảm 11%”.

Theo ndh.vn⁸

Lúa là một trong những cây lương thực quan trọng nhất của Việt Nam, chủ yếu được canh tác tại Đồng bằng sông Cửu long và Đồng bằng sông Hồng.

⁷ Phát biểu của Phó Cục trưởng Cục Trồng trọt Phạm Đồng Quảng tại Hội thảo: “Nông nghiệp Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu: Cơ hội và thách thức”, Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UNDP tổ chức ngày 10/9/2013 (như trên).

⁸ Thạch Thảo - Hạn hán và kinh tế Việt Nam dưới góc nhìn VinaCapital tại <http://ndh.vn/han-han-va-kinh-te-viet-nam-duoi-goc-nhin-vinacapital-20160523031754898p145c153.news>

Theo dự thảo kịch bản BĐKH 2015, sẽ có tới 16,8% diện tích Đồng bằng sông Hồng và 38,9% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long bị ngập lụt khi mực nước biển dâng 100cm và nếu điều này xảy ra, sản lượng lúa gạo có thể giảm trên 30-35%.⁹

Do ảnh hưởng của xâm nhập mặn, vụ Mùa và Thu Đông năm 2015, có khoảng 90.000 ha lúa ở đồng bằng sông Cửu Long bị ảnh hưởng đến năng suất, trong đó thiệt hại nặng khoảng 50.000 ha. Vụ Đông Xuân 2015 - 2016 có 104.000 ha lúa bị ảnh hưởng nặng nề do xâm nhập mặn (chiếm 11% diện tích gieo trồng 8 tỉnh ven biển). Dự kiến, trong thời gian tới, diện tích bị ảnh hưởng khoảng 340.000 ha (chiếm 35,5% diện tích 8 tỉnh ven biển).¹⁰



*Thiệt hại của các vùng trồng nho tại tỉnh Ninh Thuận do hậu quả mưa lũ*¹¹

⁹ Nguyễn Văn Bộ, Phát triển lúa gạo trong bối cảnh biến đổi khí hậu và hội nhập ở Việt Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2016.

¹⁰ Tổng cục Thủy lợi, Xâm nhập mặn vùng ĐBSCL (2015-2016), hạn hán ở miền Trung, Tây Nguyên và giải pháp khắc phục, truy cập tháng 6/2017, <http://www.tongcucthuyloi.gov.vn/Tin-tuc-Su-kien/Tin-tuc-su-kien-tong-hop/catid/12/item/2670/xam-nhap-man-vung-dong-bang-song-cuu-long--2015---2016---han-han-o-mien-trung--tay-nguyen-va-giai-phap-khac-phuc>

¹¹ Tấn Quỳnh, Nho Ninh Thuận chết khô, hơn trăm hộ dân mất Tết, video của VnExpress, 10/01/2017, <http://video.vnexpress.net/tin-tuc/xa-hoi/nho-ninh-thuan-chet-kho-hon-tram-ho-dan-mat-tet-3525923.html>

• Tác động của rủi ro thiên tai và BĐKH đối với ngành chăn nuôi

Ngành chăn nuôi đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của nhiều quốc gia trên thế giới, chiếm 70% diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đóng góp 40% GDP của nông nghiệp toàn cầu.¹²

Ngành chăn nuôi đang đứng trước nguy cơ nặng nề của BĐKH. BĐKH đang làm thay đổi môi trường sống, đe dọa đến nguồn cung cấp thức ăn và nước uống cho chăn nuôi, làm giảm sức đề kháng và tăng nguy cơ bùng phát dịch bệnh. Hậu quả là năng suất sinh trưởng và sinh sản của vật nuôi bị giảm sút.

Hộp 1.1. Đại hạn đe dọa đàn bò trăm nghìn con ở Tây Nguyên¹³

Năm 2016 các tỉnh Tây Nguyên đã phải đối mặt với những đợt nắng nóng kéo dài, hạn hán nặng nhất 20 năm qua đã khiến cây cỏ chết khô. Đàn bò hàng trăm nghìn con của khu vực này bị thiếu thức ăn do hạn hán nên nhiều con chỉ còn da bọc xương.

¹² Bùi Thị Kim Dung, Biến đổi khí hậu và những thách thức đối với ngành chăn nuôi, Tạp chí Khoa học và Giáo dục, số 2, <http://sac.edu.vn/images/filedownload/170130130083744.pdf>

¹³ Duy Trần, Đại hạn đe dọa đàn bò trăm nghìn con ở Tây Nguyên, [http://occa.mard.gov.vn/Tác-dòng-BĐKH/Chăn-nuôi](http://occa.mard.gov.vn/Tac-dong-BĐKH/Chăn-nuôi)



Tại "rốn" hạn của huyện Chư Pưh (Gia Lai), vết những giọt nước cuối cùng trong lu cho đàn bò 5 con, ông Nguyễn Văn Bá cho biết sông suối cạn khô, giếng hết nước nên bò chỉ được uống nước

rửa rau, vo gạo. Một xô nước rửa rau lắng cạn khoảng 8 lít được ông chia cho cả đàn. Đây là lần uống nước duy nhất của chúng trong ngày.

Hàng trăm hồ chứa ở các tỉnh Tây Nguyên kiệt nước, nhiều hồ trợ đáy, các con suối, sông nhỏ cũng rơi vào tình cảnh tương tự. Năm 2016, người dân Tây Nguyên đã phải chịu "cơn khát" kéo dài hơn 3 tháng.

• Tác động với ngành thủy sản

Việt Nam có tới 58% dân cư vùng ven biển có sinh kế chủ yếu dựa vào nông nghiệp và đánh bắt thủy sản, khoảng 480.000 người trực tiếp làm nghề đánh bắt, 10.000 người chế biến và 2.140.000 người cung cấp các dịch vụ liên quan đến nghề cá¹⁴. Đa số người làm nghề đánh bắt thủy sản là những người nghèo. BĐKH và rủi ro thiên tai có thể gây ảnh hưởng rất lớn đến sinh kế của các cộng đồng sinh sống dựa vào ngành thủy sản.

¹⁴ Ban chỉ đạo Chương trình Hành động Thích ứng với BĐKH Ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Đánh giá thiệt hại về kinh tế và đời sống cộng đồng ngư dân do tác động của BĐKH, thiên tai, truy cập tháng 6/2017, <http://occa.mard.gov.vn/T%C3%A1c-%C4%91%E1%BB%99ng-B%C4%90KH/Th%E1%BB%A7y-s%E1%BA%A3n/catid/27/item/2790/danh-gia-thiet-hai-ve-kinh-te-va-doi-song-cong-don>

BĐKH và thiên tai ảnh hưởng tiêu cực tới sản lượng và chi phí của ngành đánh bắt thủy sản: Nhiệt độ nước biển tăng gây bất lợi về nơi cư trú của một số loài thủy sản, ảnh hưởng đến nguồn thức ăn của sinh vật, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng của thủy sản; thúc đẩy quá trình suy thoái của san hô; làm thay đổi về vị trí, cường độ dòng nước và gia tăng tần số, cường độ bão và thiên tai, giảm thời gian đánh bắt và năng suất khai thác nghề cá trên biển; tăng chi phí tu sửa, bảo dưỡng, xây dựng mới bến bãi, cảng cá, ngư cụ, tàu thuyền.

BĐKH còn tác động đến ngành nuôi trồng thủy sản: Làm thay đổi môi trường nuôi trồng, làm chậm tốc độ sinh trưởng của thủy sản, giảm lượng thức ăn, làm mất nơi sinh sống thích hợp của một số loài thủy sản trong các rừng ngập mặn, làm tăng dịch bệnh và làm cạn nước trước thời kỳ thu hoạch dẫn đến sản lượng nuôi trồng bị giảm sút. BĐKH còn làm giảm diện tích nuôi trồng thủy sản do mất các vùng đất thấp ven biển, sạt lở ven bờ, xâm thực, xâm nhập mặn và suy giảm chất lượng đất.¹⁵ Ngược lại, BĐKH có thể tạo cơ hội để ngành nuôi trồng thủy sản có thể chuyển đổi đối tượng sản xuất trên các diện tích bị xâm nhập mặn, không còn khả năng canh tác lúa và thủy sản nước ngọt sang nuôi trồng thủy sản, tôm cá khác chịu mặn và có giá trị kinh tế cao hơn như trong câu chuyện sau đây của Phó giáo sư tiến sĩ Lê Anh Tuấn, Viện nghiên cứu BĐKH - Đại học Cần Thơ.

Hộp 1.2. Hạn mặn: Rủi ro và Cơ hội

Một phần phản ứng lúng túng của các địa phương ở đây là do "quốc sách" của chúng ta còn đặt nặng vào nông nghiệp, coi lúa gạo là an ninh lương thực số 1. Trong khi, bây giờ an ninh lương thực không phải là mỗi lúa, mà phải có tôm, cá. Ví dụ, ngày xưa mỗi người có thể ăn 3-4 chén cơm với muối, thì nay nhiều người có thể chỉ cần ăn một chén cơm với cá-thịt thì đã no.

¹⁵ Tác động của biến đổi khí hậu lên ngành nuôi trồng thủy sản, Bản tin cho Lãnh đạo Bộ, trang web Xúc tiến thương mại ngành nông nghiệp, tháng 3/2014, <http://xttm.agroviet.gov.vn/Site/vi-vn/76/tapchi/69/126/7835/Default.aspx>

Chúng ta cần phải tận dụng diện tích đã bị nguồn nước mặn lấn vào để nuôi tôm vốn mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Thậm chí đối với những vùng có



nguy cơ bị nhiễm mặn nặng, địa phương đó cũng cần chuyển đổi đất nông nghiệp sang nuôi trồng thủy sản, bởi cây lúa “ngốn” rất nhiều nước (70% lượng nước dành cho nông nghiệp).

“Tôi nghĩ, việc xâm nhập mặn kỷ lục này cũng là cơ hội để chúng ta tái cơ cấu lại nền

*nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long. Nghĩa là, bây giờ những vùng nào quá mặn thì chúng ta đừng tìm cách chống nó, mà cứ tận dụng nguồn nước đó để nuôi tôm hay trồng rừng ngập mặn”.*¹⁶

1.2.2. Tác động tới các doanh nghiệp ngành Lâm nghiệp

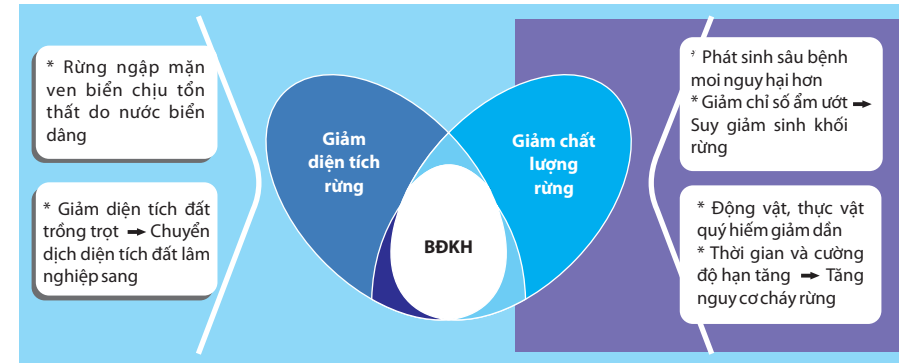
BĐKH làm giảm diện tích đất rừng: Rừng ngập mặn ven biển chịu tổn thất do nước biển dâng; làm giảm đất trồng trọt dẫn đến nguy cơ chuyển dịch diện tích đất lâm nghiệp sang đất dành cho các lĩnh vực kinh tế - xã hội gây tác động lớn đối với sản xuất lâm nghiệp.

BĐKH làm giảm chất lượng rừng: Làm phát sinh nhiều sâu bệnh mới nguy hại hơn; Độ ẩm ướt giảm đi gây ra suy giảm sinh khối trên hầu hết các loại rừng; Các loài động vật rừng, thực vật quý hiếm giảm dẫn đến suy kiệt hoặc tuyệt chủng. Nền nhiệt độ cao hơn, lượng bốc hơi nhiều hơn, thời gian và cường độ khô hạn tăng làm tăng nguy cơ cháy rừng.

¹⁶PGS, TS Lê Anh Tuấn, “Cuộc chiến” hạn mặn: “Đừng cố gắng cứu cây lúa, mà hướng đến con tôm”, Vietnam0+, 23/03/2016, <http://www.vietnamplus.vn/cuoc-chien-han-man-dung-co-gong-cuu-cay-lua-ma-huong-den-con-tom/377575.vnp>

Ảnh: Thủy sản Việt Nam, <http://thuysanvietnam.com.vn/dong-thap-trien-khai-du-an-lua-huu-co-va-nuoi-tom-cang-xanh-article-11602.tsvn>

Hình 1.3. Tác động của BĐKH tới ngành lâm nghiệp



Tuy vậy, Lâm nghiệp Việt Nam là ngành kinh tế có thể hưởng lợi từ những cơ hội do các cam kết quốc tế về chống BĐKH qua: Đa dạng hóa nguồn lực huy động nhằm ứng phó với BĐKH thông qua phát triển cơ chế thị trường, trong đó có định giá các-bon, trao đổi tín chỉ các-bon, dịch vụ môi trường rừng (DVMTR)... được thiết lập với cơ chế đầu tư và thanh toán theo kết quả và sản phẩm.

Hộp 1.3. BĐKH và cơ hội cho ngành lâm nghiệp

Những đàm phán cắt giảm lượng khí nhà kính cũng đã được các nước trên thế giới hết sức quan tâm và đang có những tranh cãi gay gắt về việc làm sao giảm lượng khí này. Pháp đã quyết định đánh thuế carbon là 17 euro vào mỗi tấn khí thải CO₂ kể từ tháng 1-2012. Úc cũng công bố kế hoạch thuế carbon của nước này, có hiệu lực từ tháng 7 năm 2012. Những động thái này khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào trồng rừng kinh tế; phát triển kinh doanh tín chỉ các-bon trên thị trường thế giới để đầu tư, bảo vệ và phát triển rừng và cung cấp DVMTR hiệu quả.¹⁷

¹⁷ Văn Nam, Biến đổi khí hậu: Biến thách thức thành cơ hội, Báo Đồng Nai, 24/10/2011, <http://www.baodongnai.com.vn/kinhte/201110/Bien-doi-khi-hau-Bien-thach-thuc-thanh-co-hoi-2104886/>

1.2.3. Tác động tới các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến - chế tạo

BĐKH ảnh hưởng đến ngành chế biến chế tạo từ các góc độ tiêu chuẩn môi trường, công nghệ và chi phí thích ứng: Các doanh nghiệp trong ngành buộc phải thay đổi công nghệ theo hướng thay đổi hoặc bổ sung công nghệ nhằm tăng hiệu suất năng lượng và giảm tổng lượng phát thải khí nhà kính.

Phần lớn các khu công nghiệp đều trên vùng đồng bằng thấp trũng hoặc ven biển, dễ bị tổn thương trước nguy cơ BĐKH, đặc biệt là nước biển dâng và mưa lũ do thời tiết cực đoan; vùng nguyên liệu công nghiệp cũng sẽ có nhiều thay đổi về quy mô sản xuất cũng như về khối lượng sản phẩm. Phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nông sản và thủy hải sản, khi rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu xảy ra, ngành công nghiệp chế biến cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp do nguồn cung nguyên liệu không đều, hoặc khan hiếm, làm tăng chi phí sản xuất, đẩy giá thành sản phẩm lên cao và chất lượng không ổn định.

Hộp 1.4. Nguy cơ thiếu hụt trầm trọng nguyên liệu sản xuất vì hạn, mặn

Tác động của BĐKH đối ngành nông nghiệp, ngành nuôi trồng và chế biến thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long ngày càng lớn. Thiên tai luôn là nỗi lo lắng thường trực không chỉ của người nông dân trực tiếp sản xuất, mà kể cả những doanh nghiệp tham gia vào quá trình gia tăng chuỗi giá trị cho hàng hóa nông, thủy sản của Việt Nam.

Các doanh nghiệp thu mua, chế biến và xuất khẩu hàng hóa nông sản, thủy sản ở đây đang đối mặt nguy cơ thiếu hụt nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất do BĐKH gây khô hạn kết hợp với xâm nhập mặn kéo dài trong thời gian qua. Vùng nguyên liệu mía đường hơn 10.000 ha cho năng suất cao nhất khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã bị nắng tấp, thân ngâm mặn đến héo quắt, vàng lá, không thể cho chất lượng và năng suất cao như trước.

Ông Trịnh Trung Úy, từ một doanh nghiệp thu mua mía nguyên liệu tại Sóc Trăng cho biết, với diễn biến này, sản lượng mía đường của nông dân chắc chắn sẽ giảm mạnh. Đáng lo ngại hơn là chất lượng mía cũng bị ảnh hưởng vì doanh nghiệp không thể thu mua những cây mía mặn. Ông nói: *"Doanh nghiệp sẽ phải tìm kiếm các nguồn cung khác để thay thế. Việc tìm nguồn cung mới cũng không hẳn dễ dàng vì khô hạn đang diễn ra trên diện rộng và chắc chắn giá thành nguyên liệu sẽ tăng cao. Không chỉ thiếu nguyên liệu, vấn đề giá nguyên liệu tăng vào thời điểm tới cũng sẽ là thách thức đối với doanh nghiệp..."*¹⁸



Mía chết vì hạn hán ở Cù Lao Dung, Sóc Trăng¹⁹

¹⁸ Thạch Huê, Nguy cơ thiếu hụt trầm trọng nguyên liệu sản xuất vì hạn, mặn, TTXVN/Vietnam+, 24/03/2016, <http://www.vietnamplus.vn/nguy-co-thieu-hut-tram-trong-nguyen-lieu-san-xuat-vi-han-man/377759.vnp>

¹⁹ Ảnh: TTXVN

Đối mặt với những thách thức do rủi ro thiên tai và BĐKH, các doanh nghiệp ngành chế biến – chế tạo cũng được thúc đẩy để tận dụng những cơ hội do những thay đổi đem lại. BĐKH mở ra các cơ hội để thúc đẩy hợp tác, thông qua đó các nước đang phát triển như Việt Nam có thể tiếp cận hỗ trợ tài chính và chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển. Cơ cấu các ngành cũng được thúc đẩy để chuyển dịch cho phù hợp với những thay đổi về khí hậu và kinh tế xã hội trong nước và ngoài nước.

i

Hiệp định Paris là các quốc gia phát triển cam kết hỗ trợ khoản tài chính 100 tỷ USD/năm từ năm 2020 cho các nước đang phát triển, chịu ảnh hưởng nặng nề của BĐKH như Việt Nam. Đây là một nguồn lực lớn đến Việt Nam chuyển đổi mô hình phát triển, hướng nền kinh tế đến bền vững, ít sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Điểm quan trọng của Hiệp định Paris đối với các nước như Việt Nam là coi trọng vấn đề thích ứng tương đương với giảm nhẹ. Như vậy, việc đầu tư cho hệ thống cơ sở hạ tầng chống lại ngập lụt, nước biển dâng... có cơ hội nhận được hỗ trợ quốc tế. Đặc biệt, Hiệp định Paris đã tạo ra những định chế mới cho phép đa dạng hóa nguồn lực nhằm ứng phó với BĐKH.

Bên cạnh đó, những thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới ngày nay cho phép phát triển các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, giảm dần, tiến tới xóa bỏ việc sử dụng năng lượng hóa thạch; Phát triển năng lượng tái tạo, tổ chức sản xuất năng lượng từ rác thải, sản xuất năng lượng sinh học, thu hồi nhiệt dư trong nhà máy sản xuất xi măng và nhà máy nhiệt điện.

1.2.4. Tác động tới các định chế tài chính

Mức độ tác động khó đoán định của biến đổi khí hậu sẽ khiến các nhà đầu tư ngày càng e ngại về những nguy cơ tiềm tàng bao gồm giảm lợi nhuận, khó thu hồi hoặc thậm chí mất vốn đầu tư... Các doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm, ngân hàng cũng phải chịu những rủi ro lớn khi chi phí đền bù cao hoặc khách hàng mất khả năng thanh toán do liên quan đến hư hỏng cơ sở hạ tầng, thiệt hại về con người, khủng hoảng thị trường ...

• Tác động đối với các ngân hàng

Tác động của rủi ro thiên tai và thời tiết cực đoan do BĐKH đã gây ra những tác động rõ rệt cho hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng. Hầu hết các cơ sở và hộ gia đình kinh doanh đều làm ăn dựa trên đòn bẩy tài chính mà chủ yếu là do các ngân hàng cung cấp. Rủi ro thiên tai và thời tiết cực đoan làm thiệt hại về con người cũng như tài sản của doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh bị đình trệ, mất thu nhập và mất vốn, làm giảm hoặc mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp và hộ gia đình đối với những khoản vay từ ngân hàng. Do vậy, thiên tai và thời tiết cực đoan gián tiếp làm tăng nợ xấu do khách hàng mất khả năng thanh toán hoặc làm giảm lợi nhuận do họ phải thực hiện các giải pháp giảm lãi suất, giãn và khoan nợ nhằm chia sẻ với doanh nghiệp bị thiệt hại. Bên cạnh đó, trong bối cảnh những tác động tiêu cực của thiên tai và BĐKH như vậy, các ngân hàng cũng sẽ mất nhiều công sức và thời gian hơn cho việc xét duyệt hồ sơ, phương án vay vốn của doanh nghiệp và hộ gia đình nhằm đảm bảo mức độ an toàn của các khoản vay.

Hộp 1.5. Thiên tai nặng vai ngân hàng

Theo thống kê của Agribank huyện Trần Đề - Sóc Trăng, 224 khách hàng vay của chi nhánh chủ yếu là trồng lúa đã chịu hậu quả nặng nề do xâm nhập mặn trên địa bàn, với số dư nợ thiệt hại tính tới ngày 12/5/2016 là khoảng 6,5 tỷ đồng. Một số huyện trồng cây có giá trị cao hơn, mức thiệt hại cao gấp nhiều lần. Đơn cử như huyện Cù Lao Dung, hơn 1.100 ha cây mía và cây ăn trái bị hư hỏng, dư nợ lên tới 69,3 tỷ đồng nợ gốc và 4,7 tỷ đồng tiền lãi.

Ông Ngô Thanh Bình - Giám đốc Agribank chi nhánh huyện cho biết, hạn hán và xâm nhập mặn đã “giáng” thêm đòn xuống nhiều hộ dân vốn đang còn dư nợ được khoan tại Ngân hàng. Bởi, đa số các hộ nuôi tôm thẻ tại các xã Trung Bình, Lịch Hội Thượng, Liêu Tú mất mùa nhiều năm liền do tôm bị dịch bệnh đã được Agribank khoan nợ, nay một số hộ xoay sang trồng lúa thì lại tiếp tục thiệt hại vì thiên tai như trường hợp của cô Trương Mỹ Ánh, xã Lịch Hội Thượng của huyện.²⁰

- *Tác động đối với các quỹ đầu tư*

Tương tự như các ngân hàng, các quỹ đầu tư rút vốn cho các các dự án phát triển kinh doanh của các doanh nghiệp. Đối mặt với thiên tai và BĐKH, các dự án này cũng có thể bị thiệt hại dẫn đến khả năng thua lỗ, mất tài sản dẫn đến giảm khả năng thu hồi vốn hoặc khả năng sinh lời của các dự án, gián tiếp làm giảm lợi nhuận và thất thoát vốn của các quỹ đầu tư.

²⁰ Thời báo ngân hàng, Thiên tai nặng vai ngân hàng, Agribank, 20/05/2016, <http://www.agribank.com.vn/31/822/tin-tuc/tai-chinh-ngan-hang/2016/05/10451/thien-tai-nang-vai-ngan-hang.aspx>

Bên cạnh đó, các quỹ đầu tư bắt đầu đối mặt với áp lực thực hiện trách nhiệm xã hội trong bảo vệ môi trường và giảm tình trạng BĐKH. Những yêu cầu này đòi hỏi các quỹ đầu tư phải đưa ra những tiêu chí lựa chọn danh mục đầu tư đối với các dự án không làm tổn hại đến môi trường, sử dụng công nghệ ít phát thải khí. Thực hiện tốt những trách nhiệm này sẽ giúp quỹ đầu tư giành được cảm tình của công chúng và nhà đầu tư, thu hút nguồn vốn và phát triển bền vững.

Yêu cầu thích ứng và giảm nhẹ BĐKH, ứng phó với rủi ro thiên tai cũng tạo ra những nhu cầu đầu tư có thể là cơ hội kinh doanh cho các quỹ. Ví dụ: Các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo đều ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho vay đối với các dự án bền vững với môi trường, các dự án hỗ trợ chống BĐKH, sáng tạo trong thích ứng với BĐKH; thúc đẩy nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về năng lượng sạch, giảm đầu tư vào những dự án phát thải lớn, tăng cường đầu tư vào năng lượng tái tạo nhằm từng bước thay thế nhiên liệu hóa thạch.

- *Tác động đối với các công ty bảo hiểm*

Thiên tai do thời tiết cực đoan gây ra ngày càng nhiều với thiệt hại to lớn trong lĩnh vực nông nghiệp và nền kinh tế nói chung. Hiện tượng này ảnh hưởng tới hoạt động chi trả đền bù và hiệu quả kinh doanh của ngành bảo hiểm nhất là bảo hiểm sản phẩm nông nghiệp và phi nhân thọ.

Hộp 1.6. DN bảo hiểm tại TPHCM phải bồi thường lớn do mưa ngập

Do mưa ngập tại TP. HCM, Công ty Bảo hiểm Liberty đã phải bồi thường cho khách hàng mua bảo hiểm cho xe Mercedes E-300 bị thủy kích làm vỡ động cơ 50.000 USD. Tính từ đầu năm 2012 đến nay, Liberty đã bồi thường 43 vụ bị thủy kích, với giá trị bồi thường xấp xỉ 3,2 tỷ đồng. Thiệt hại bình quân của các vụ xe bị thủy kích rất cao. Tại Liberty năm 2011, thiệt hại bình quân là 75 triệu đồng/vụ, năm 2012 là 98 triệu đồng/vụ.

Trong trận lũ lụt năm 2010 xảy ra tại các tỉnh miền Trung, các công ty bảo hiểm tại Việt Nam đã phải chi trả hàng trăm tỷ đồng bồi thường bảo hiểm. Trước những thiệt hại to lớn về bão lũ, nên các nhà tái bảo hiểm nước ngoài đã thông báo điều chỉnh tăng phí và thu hẹp phạm vi bảo hiểm, đặc biệt đối với rủi ro bão lụt. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam, bởi thị trường bảo hiểm Việt Nam chịu sự ảnh hưởng lớn từ thị trường nhận tái bảo hiểm quốc tế.

Hà Tĩnh và Thanh Hóa là hai tỉnh mà Bảo Minh triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp. Tại Hà Tĩnh đã triển khai bảo hiểm cho cây lúa, với số phí bảo hiểm thu được hơn 5 tỷ đồng. Còn tại Thanh Hóa, Bảo Minh đang triển khai bảo hiểm cho vật nuôi, với số tiền phí bảo hiểm khoảng 1,5 tỷ đồng. Bảo Minh cho biết, số tiền đền bù cho vật nuôi ở Thanh Hóa cũng không nhỏ.²¹

BĐKH vừa đem lại cho ngành bảo hiểm rủi ro và thách thức, đồng thời cũng đem lại những cơ hội kinh doanh. Thiên tai do thời tiết cực đoan xảy ra nhiều, khó lường và nghiêm trọng làm cho dân cư và các doanh nghiệp phát sinh nhu cầu được bảo hiểm tài sản và con người nhiều hơn. Đây là cơ hội để phát triển các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH của khách hàng.

²¹ Ngọc Lan, Bồi thường bảo hiểm đối mặt với thảm họa lũ lụt, tại trang web của Bảo hiểm quân đội MIC, <https://mic.vn/NewDetail.aspx?id=176>

Luật Phòng chống thiên tai 2013 có một số quy định chính sách liên quan tới doanh nghiệp. Cụ thể, Khoản 5, Điều 5 Luật này quy định chính sách của Nhà nước trong phòng, chống thiên tai: “Ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm rủi ro thiên tai; hỗ trợ đối với doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất, kinh doanh ở vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về phòng, chống thiên tai; chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản đóng góp cho phòng, chống thiên tai”.

Hộp 1.7. Cơ hội phát triển sản phẩm bảo hiểm mới để ứng phó với thiên tai và BĐKH

Theo báo cáo của Swiss Re năm 2015, khoảng trống bảo hiểm thiên tai lũ lụt là rất lớn tại Việt Nam khi chỉ có 1,3% tài sản được mua bảo hiểm. Tại Việt Nam bảo hiểm lũ lụt chưa có “đất diễn” riêng. Thường có loại cho bảo hiểm tài sản: (1) là bảo hiểm thiệt hại tài sản, bao gồm tất cả thiệt hại do các loại thiên tai nói chung gây ra và (2) bảo hiểm cháy nổ. Đối với tài sản công hay những thiệt hại về lũ lụt thường dựa vào kinh phí từ các khoản dự phòng ngân sách (tỷ lệ từ 2% - 5% tổng chi ngân sách hàng năm) để sửa chữa.

Tuy nhiên, tỷ lệ này chỉ đảm bảo hỗ trợ 30% giá trị thiệt hại và chủ yếu dành cho cứu trợ khẩn cấp, chưa đáp ứng được toàn bộ yêu cầu xử lý, khắc phục sau thiên tai. Bên cạnh giải quyết phần nào các vấn đề thiệt hại kinh tế kể trên, việc thêm sản phẩm chuyên dụng có thể làm phong phú thêm sản phẩm cho thị trường bảo hiểm Việt Nam, qua đó có thể nâng cao trình độ của ngành, nâng tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm.²²

²² Như trên (Ngọc Lan)

1.2.5. Tác động tới các doanh nghiệp ngành năng lượng

BĐKH có thể tác động tiêu cực đến tài nguyên năng lượng tái tạo. Cụ thể, BĐKH kéo theo gia tăng cường độ lũ, cả đỉnh lũ và trong một số trường hợp cực đoan, các nhà máy thủy điện buộc phải xả nước để phòng lưu lượng lũ về quá cao làm cho doanh nghiệp phát điện không chủ động được việc tích nước, có thể gây giảm lượng nước trong các hồ và giảm sản lượng điện sản xuất. Bên cạnh đó hạn hán làm giảm thời gian phát điện và hiệu suất điện năng trong trường hợp hạn hán khốc liệt. Ngoài làm tăng chi phí vận hành của đập xả lũ, vận hành đường dây, thiên tai bão lũ còn gây hư hỏng cho công trình, đường dây, làm phát sinh chi phí lớn cho bảo dưỡng và sửa chữa công trình năng lượng...

Ngành khai thác nhiên liệu hóa thạch sẽ bị ảnh hưởng bởi tình trạng khí hậu biến đổi và thời tiết cực đoan. Khai thác than ở Quảng Ninh và triển vọng khai thác than nâu ở đồng bằng sông Hồng sẽ càng khó khăn hơn do làm tăng khả năng hao hụt, tổn thất sản lượng than do tần suất, cường độ mưa bão và lũ lụt gia tăng; tăng thêm chi phí sản xuất, chi phí xây dựng vận hành, duy tu các hệ thống khoan, các phương tiện vận chuyển; nhiều bến cảng biển, bến bãi, nhà kho thiết kế theo mực nước cuối thế kỷ 20 sẽ phải cải tạo lại, thậm chí phải di dời, tốn kém hơn về chi phí xây lắp cũng như chi phí vận hành...

Khai thác dầu khí ở ngoài thềm lục địa, công nghiệp lọc – hóa dầu phải tăng thêm chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu máy móc, phương tiện; Khó khăn hơn cho hệ thống vận chuyển dầu và khí từ dàn khoan trên biển đến các nhà máy hóa – lọc dầu.

Một số quy định quan trọng về ứng phó với BĐKH sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu và chi phí sản xuất nhiên liệu và năng lượng bao gồm: Các tiêu chuẩn chất lượng nhiên liệu; Các tiêu chuẩn hiệu suất; Các tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng; Các quy định chất lượng không khí; quy định về năng lượng tái tạo...

Hình 1.4. Một số tác động của BĐKH đến ngành năng lượng



Chi phí tưới và tiêu trong sản xuất lúa, cây công nghiệp gia tăng.

Tiêu thụ điện cho các thiết bị sinh hoạt như điều hòa nhiệt độ, quạt điện, bảo quản lương thực, thức ăn gia tăng theo nhiệt độ.

Tăng thêm chi phí thông gió và làm mát hầm lò khai thác than và làm giảm hiệu suất của các nhà máy

Tuy nhiên, BĐKH có thể đã và sẽ tạo ra những cơ hội cho doanh nghiệp ngành năng lượng như:

Chuyển hướng sang tăng trưởng xanh sẽ là yếu tố làm tăng trưởng khả năng đáp ứng nhu cầu cải thiện chất lượng sống cho người dân Việt Nam. Hỗ trợ ứng phó BĐKH và tăng trưởng xanh và đưa các chính sách đúng đắn vào cuộc sống sẽ là một đóng góp quan trọng của các nhà tài trợ vào phát triển bền vững về khí hậu của Việt Nam.

Mặc dù vậy, sự chuyển hướng sang tăng trưởng xanh sẽ đòi hỏi phải có thời gian, phải nâng cao nhận thức và phải có nguồn lực đáng kể. Nhà nước ngày càng sẵn sàng chấp nhận đối mặt với tính chất phức tạp của cách tiếp cận theo địa bàn, áp dụng kinh nghiệm toàn cầu vào hoàn cảnh cụ thể tại Việt Nam và phối hợp hoạt động trong nhiều ngành với nhau nhằm đạt kết quả tốt nhất. Việt Nam đã quyết định đi theo hướng tăng trưởng xanh, tái cơ cấu kinh tế một cách bền vững hơn và giảm nghèo.

1.2.6. Tác động tới các doanh nghiệp của ngành du lịch

Du lịch là ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam. Năm 2016, số khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đạt 10 triệu lượt người, khách du lịch trong nước đạt 62 triệu lượt đóng góp trực tiếp 6,8% GDP và gián tiếp 14% GDP²³. Tuy nhiên thời gian gần đây, ngành đã chịu những tác động tiêu cực của BĐKH.

BĐKH làm thu hẹp vùng có nhiệt độ lý tưởng, có sinh cảnh hấp dẫn, thích hợp cho du lịch; Nhiều vùng du lịch trở nên thiếu hấp dẫn du khách; Gia tăng rủi ro trong hành trình du lịch...; Các công trình trên các bãi biển phải nâng cấp để thích ứng với mực nước biển dâng; Các bãi biển sâu hơn và sóng biển cao hơn làm tăng rủi ro gặp tai nạn cho khách du lịch...; Đơn vị tổ chức du lịch và người đi du lịch có thể phải tăng thêm chi phí khi BĐKH kéo theo thời tiết khắc nghiệt...

Hộp 1.8. Du lịch Cửa Đại - Hội An trước nguy cơ biến đổi khí hậu

Cửa Đại không chỉ là nơi quyến rũ, thu hút khách du lịch mà nơi đây còn mang trong mình nhiều giá trị văn hóa của một cảng biển từ xa xưa. Tuy nhiên, thời gian gần đây bờ biển này sạt lở bất thường và trầm trọng kéo dài hơn 1,3km, ăn sâu vào bờ từ 20-80m, có nơi lên đến 200m.

Vài năm trở lại đây, cửa biển còn bị bồi lấp khiến cho việc di chuyển của các thuyền bè rất khó khăn. Nước lũ theo dòng sông sẽ chậm thoát ra cửa biển, thì hiển nhiên sẽ lên cao ở địa bàn phố cổ và ngâm lâu hơn rất nhiều so với trước đây. Thống kê từ phòng Kinh tế Hội An, tình trạng ngập lụt tại địa bàn là một vấn đề cực kỳ cấp bách. Cụ thể, với báo động 1 (0,7m) sẽ ngập úng 150 ha; với cấp 2 (1,2m) sẽ gây ngập 950ha và báo động 3 (1,7m) sẽ gây ngập úng hơn 2.158, 29 ha tại địa bàn. Nguy hiểm hơn, nếu nước dâng khoảng 3m, thì hầu như toàn bộ diện tích TP. Hội An sẽ ngập chìm trong nước.

²³ Nghị quyết của BCT về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, <http://mt.gov.vn/Images/editor/files/XUAN%20NGUYEN/Nam%202017/Quy%2016-1-NQ08.pdf>

Người dân Cửa Đại rất lo lắng cho tương lai của địa phương và cuộc sống nếu như không thể ngăn chặn được tình trạng sạt lở ở đây. BĐKH đã thực sự đe dọa đến kế sinh nhai của dân ven biển Cửa Đại, là thách thức rất lớn cho ngành du lịch và việc hoạt động của các resort, khách sạn ven biển Cửa Đại. Hiện nay, những hàng quán, quán ăn trên bãi tắm Cửa Đại đã dần dần ít đi khi mà du khách đến bãi tắm Cửa Đại lúc này chỉ để ngắm biển rồi lại nhanh chóng rời đi...²⁴



Khách sạn ở Cửa Đại (Hội An) bị phá hủy do xói lở bờ biển²⁵

1.2.7. Tác động tới các doanh nghiệp của các ngành khác

Ngành giao thông vận tải

Giao thông vận tải (GTVT) là một lĩnh vực nhạy cảm với thời tiết. Biến đổi khí hậu với những thay đổi đột ngột về nhiệt độ có hại cho công trình giao thông, độ ẩm dao động mạnh; bão lớn, lũ lụt, hạn hán ảnh hưởng lớn tới chất lượng đường xá, gây lún, nứt, trơn trượt... cản trở giao thông, phát sinh chi phí cho doanh nghiệp vận tải, làm gia tăng tai nạn giao thông; chất lượng cầu đường giảm làm tăng chi phí bảo trì và sửa chữa phương tiện vận tải...

²⁴ Phước Bình, BĐKH nhìn từ Quảng Nam, báo Lao động, 13/02/2016, <http://laodong.com.vn/thoi-su-xa-hoi/bien-doi-khi-hau-nhin-tu-quang-nam-516811.bld>

²⁵ Ảnh: baodansinh.vn

Những thiệt hại mà thiên tai và BĐKH đối với cơ sở hạ tầng GTVT gồm: Đường sắt, quốc lộ, đường giao thông nội bộ, cảng biển và sân bay có thể bị ngập, xói lở, phá vỡ kết cấu của công trình cầu đường bộ, đường sắt cũng như đường ống; Làm thoái hóa và hư hại của các công trình GTVT các loại; Luồng tàu bị chặn phải nạo vét....

Ngoài ra, còn có các thiệt hại khác như: Ảnh hưởng đến thiết bị, động cơ và phương tiện giao thông; Tăng chi phí điều hòa nhiệt độ, nhất là trong vận chuyển hành khách...

Ngành xây dựng

Xây dựng cũng là một trong những ngành chịu tác động trực tiếp từ biến đổi khí hậu và thiên tai. Sự thay đổi nhiệt độ và độ ẩm ảnh hưởng tới tiến độ và chất lượng công trình. Trong điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng ẩm của Việt Nam, các công trình bê tông thường bị co giãn dưới tác động của thời tiết làm cho chúng hư hại và xuống cấp nhanh chóng hơn, ảnh hưởng tiêu cực tới uy tín của các doanh nghiệp thi công và giám sát;

Bên cạnh những thách thức thì ngành xây dựng có nhiều cơ hội do BĐKH và rủi ro thiên tai gia tăng tạo nên: Có cơ hội để tạo thêm giá trị gia tăng cho công trình xây dựng nhằm gia cố, phòng chống thiên tai, tăng khối lượng công việc cho xây dựng công trình mới để ứng phó thiên tai và sửa chữa công trình bị thiệt hại; Đặc biệt là có thể sản xuất các vật liệu mới thích ứng với BĐKH và giảm sử dụng năng lượng...

Ngành y tế

Thời tiết bất lợi kéo dài ảnh hưởng xấu tới trao đổi nhiệt của cơ thể làm gây mệt mỏi trong lao động, hoạt động thể thao, luyện tập; Thời tiết cực đoan làm tăng nguy cơ đột quỵ đối với người già, người mắc bệnh tim mạch...

BĐKH làm phát sinh bệnh tật và các vật chủ truyền bệnh: BĐKH là điều kiện thuận lợi cho phát sinh, phát triển và lan truyền các bệnh truyền nhiễm, tăng tính cảm nhiễm do làm giảm sức đề kháng của cơ thể con người. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), BĐKH góp phần gia tăng 11 bệnh truyền nhiễm quan trọng, trong đó có sốt xuất huyết, viêm não Nhật Bản; Làm phát triển đáng kể của các dịch cúm AH5N1 và AH1N1, sốt rét quay trở lại ở nhiều nơi, nhất là ở vùng núi, sốt xuất huyết cũng hoành hành trên nhiều địa phương...²⁶

²⁶ Viện Khoa học Khí tượng, Thủy văn và Biến đổi Khí hậu Việt Nam, Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam, Viện KHKT nông nghiệp miền Nam, 12/11/2013, <http://iasvn.org/chuyen-muc/Bie%CC%81n-do%CC%89i-khi%CC%81-ha%CC%A3u-va%CC%80-ta%CC%81c-do%CC%A3ng-o%CC%89-Vie%CC%A3t-Nam-2101.html>



PHẦN 2

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

BĐKH là một thách thức toàn cầu không phụ thuộc vào biên giới quốc gia. Phát thải khí nhà kính ở bất kỳ địa điểm nào cũng sẽ ảnh hưởng tới con người ở quy mô toàn cầu. Đây là một vấn đề đòi hỏi các giải pháp có sự điều phối và hợp tác ở cả cấp quốc gia và quốc tế để hỗ trợ các nước đang phát triển tiến tới một nền kinh tế phát thải thấp, đóng góp cho nỗ lực giảm phát thải, giảm tình trạng BĐKH. Trên thực tế, rất nhiều chính phủ các nước đã có chiến lược, kế hoạch hành động cùng với các chính sách can thiệp cụ thể để giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Trong bối cảnh này, Chính phủ Việt Nam đã kêu gọi cộng đồng doanh nghiệp hành động để thích ứng với tình trạng gia tăng của BĐKH và đồng hành tham gia làm giảm phát thải, giảm tốc độ của BĐKH. Những hành động này cũng sẽ là sự đảm bảo đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Đây không chỉ là đòi hỏi tự thân của doanh nghiệp, mà là yêu cầu phát triển của xã hội và Nhà nước, doanh nghiệp cần phải có trách nhiệm và tham gia tích cực vào nỗ lực chung này.

2.1. Doanh nghiệp và những hành động thích ứng với thách thức

2.1.1. Các doanh nghiệp tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải trong sản xuất

Chi phí năng lượng từ điện và nhiên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất công nghiệp. Trong bối cảnh BĐKH gia tăng gây tác động tăng chi phí bảo ôn và chi phí năng lượng cho sản xuất thì áp dụng công nghệ để tiết kiệm nhiên liệu và năng lượng là phương pháp tốt để thích ứng với những thách thức do BĐKH gây ra. Dưới đây là trường hợp tiết kiệm năng lượng của ngành xi măng nhằm thích ứng với tình trạng BĐKH.

Sản xuất xi măng hiện nay sử dụng năng lượng chính là từ than và điện. Trong quá trình sản xuất, một lượng nhiệt lớn từ khí thải được thải ra môi trường gây lãng phí năng lượng, lãng phí nguồn tài nguyên và giảm hiệu quả đầu tư.

Theo thống kê năm 2010, sản lượng clinker do ngành xi măng sản xuất là 120.000 tấn/ngày. Với sản lượng như vậy, sẽ có nguồn nhiệt khí thải lãng phí trong một ngày tương đương với 4.100.000 kWh. Nếu như tất cả các dây chuyền xi măng lò quay hệ khô của Việt Nam được trang bị hệ thống phát điện tận dụng nhiệt khí thải, thì công suất tổng các trạm phát điện khoảng 200 MW, chiếm 25% lượng điện tiêu thụ từ lưới điện. Đây là một sự lãng phí đáng quan tâm.²⁷

Chính vì vậy, việc nghiên cứu và áp dụng các giải pháp kỹ thuật sử dụng nguồn nhiệt thải để phát điện trong ngành xi măng là việc làm cần thiết và hiệu quả hơn bao giờ hết.

Hộp 2.1. Phát điện từ nhiệt dư tại Nhà máy xi măng Hà Tiên

Trên thế giới đã có nhiều nước lắp đặt trạm phát điện khí thải vào dây chuyền xi măng. Ở châu Á, Nhật Bản đã nghiên cứu và chế tạo các lò hơi tận dụng nhiệt khí thải và các tua-bin hơi nước. Tổ chức phát triển nguồn năng lượng mới (NEDO) của Nhật đã tặng cho Việt Nam một hệ thống thiết bị trạm phát điện nhiệt khí thải công suất 2.950 kWh lắp vào dây chuyền xi măng hệ khô lò quay công suất clinker 3.000 tấn/ngày tại Nhà máy xi măng Hà Tiên 2. Sau 7 năm hoạt động, trạm phát điện nhiệt khí thải tại Nhà máy xi măng Hà Tiên 2 đã phát ra 105 triệu kWh, mang lại lợi ích rõ rệt trên các phương diện kinh tế xã hội, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, làm giảm đáng kể giá thành sản xuất xi măng, hệ thống thiết bị của trạm phát điện làm việc ổn định, không ảnh hưởng tới sản xuất xi măng.

²⁷ EVN, Việt Nam: Rất cần một nhà máy phát điện tận dụng nhiệt khí thải từ sản xuất xi măng, Chương trình MTQG về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, 07/6/2010, <http://tietkiemnangluong.com.vn/tin-tuc/hoat-dong-chuong-trinh/t8371/viet-nam-rat-can-mot-nha-may-phat-dien-tan-dung-nhiet-khi-thai-tu-san-xuat-xi-mang.html>

Từ chủ trương của Nhà nước và các kết quả nghiên cứu và thực nghiệm trên, có thể nói, việc phải thiết lập hệ thống nhà máy tận dụng nhiệt khí thải để phát điện, nhằm phục vụ cho việc tái sản xuất trong ngành công nghiệp đang gặp khó khăn về vấn đề nguồn điện năng là cần thiết.²⁸

Thực hiện thành công mô hình phát điện từ khí thải, các nhà máy xi măng sẽ đóng góp lớn vào sản xuất điện, tiết kiệm năng lượng, giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch, giảm phát thải và tình trạng BĐKH.



Nhà máy xi măng Hà Tiên

2.1.2. Các doanh nghiệp trồng trọt tiết kiệm nước và chuyển đổi đối tượng sản xuất để thích ứng với hạn và xâm nhập mặn

Để đối phó với tình trạng hạn hán, thiếu nước ngọt ngày càng gia tăng do tác động của BĐKH, nhiều giải pháp đã được giới thiệu để giúp người dân thích ứng. Trong đó, mô hình tưới tiết kiệm nước cho cây trồng bằng hệ thống tưới nhỏ giọt là một giải pháp tưới khoa học hữu hiệu. Đây cũng là hình thức sản xuất ứng dụng công nghệ cao nhằm gia tăng giá trị.

²⁸ Như trên (EVN)

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khuyến khích sự tham gia đầu tư của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư hợp tác trong việc áp dụng các mô hình canh tác tiết kiệm nước. Áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, giúp tiết kiệm công lao động, chi phí điện – nước và lượng phân bón, đặc biệt không lo thiếu nước tưới... Để việc áp dụng những công nghệ này ở Việt Nam cần thu hút được sự tham gia của các doanh nghiệp và tăng cường mối liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân.

Hộp 2.2. Áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt – thích ứng với tình trạng hạn hán gia tăng

Theo khảo nghiệm của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam việc áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước (tưới phun mưa tại gốc, tưới nhỏ giọt) kết hợp bón phân có thể đảm bảo để cây cà phê bung hoa đạt tới 93 - 95%; so với kỹ thuật tưới truyền thống, áp dụng tưới phun mưa tại gốc và tưới nhỏ giọt có thể tiết kiệm đáng kể lượng nước tưới (17% đối với tưới phun mưa tại gốc và 50% đối với tưới nhỏ giọt); tiết kiệm từ 7 - 9% phân bón đối với tưới phun mưa tại gốc và 30 - 40% đối với tưới nhỏ giọt; giảm công chăm sóc và vận hành trên 50%.

Quảng Trị đã xây dựng mô hình tưới tiết kiệm nước bằng ống nhỏ giọt cho cây lạc tại 2 xã Cam Hiếu và Cam Thủy (huyện Cam Lộ) với tổng kinh phí đầu tư 250 triệu đồng nhằm giúp thực hiện tưới tiết kiệm nước trong thời kỳ nắng hạn và thích nghi với BĐKH. Mô hình tưới đưa nước trực tiếp đến vùng gốc cây trồng qua hệ thống ống dẫn nước có áp lực liên tục. Nước nhỏ từng giọt nhờ các vòi tạo giọt nên tiêu hao nước không nhiều, hạn chế được thất thoát. Hiệu quả cách làm này mang lại rất rõ ràng, năng suất lạc ước đạt 2,5 - 3 tấn/ha, tăng hơn 2 lần so với trước khi chưa ứng dụng công nghệ này.

Hơn nữa, nếu áp dụng tưới nhỏ giọt thì những diện tích đất màu thiếu nước sẽ có thể canh tác được 2 vụ lạc và 1 vụ ngô.²⁹



Thiết bị tưới nước nhỏ giọt theo công nghệ của Công ty Cổ phần Công nghệ tưới Khang Thịnh³⁰

2.1.3. Các doanh nghiệp ngành thủy sản chuyển đổi đối tượng nuôi trồng để thích ứng với hạn và xâm nhập mặn

Thời gian qua, hàng loạt thủy điện mọc lên ở thượng nguồn sông Mekong, chặn dòng chảy khiến nguồn nước đổ về khu vực Đồng bằng sông Cửu Long xuống mức thấp lịch sử. Việc này diễn ra trong bối cảnh BĐKH làm cho El Nino ngày càng khốc liệt đã tạo nên một cơn đại hạn và xâm nhập mặn khốc liệt ở “vựa lúa của đất nước”. Theo nhận định của Viện Khoa học thủy lợi miền Nam, vào tháng Tư 2016, Đồng bằng sông Cửu Long đã tiếp tục phải gánh chịu đợt xâm nhập mặn với nồng độ từ 4gam/lít trở lên và lấn sâu hàng trăm kilômét. Đây thực sự là đợt xâm nhập mặn khốc liệt nhất trong vòng 100 năm qua. Trong bối cảnh như vậy, doanh nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long cần phải có hành động để có thể ứng phó thiên tai và để “sống chung với đại hạn”.

²⁹ Quang Long, Tưới nước tiết kiệm ứng phó với biến đổi khí hậu, website Hội Nông dân Việt Nam, 22/6/2016, <http://mtnt.hoinongdan.org.vn/sitepages/news/1105/44695/tuoi-nuoc-tiet-kiem-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau>

³⁰ Ảnh: <http://irritech.vn/vi-vn/trang-chu.aspx>

Cơ hội để tái cơ cấu nền nông nghiệp?

Để giải quyết được bài toán hạn, mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long, theo các chuyên gia, giải pháp tối ưu nhất hiện nay là các địa phương trong vùng cần mạnh dạn tận dụng diện tích thường bị nhiễm mặn để nuôi thủy hải sản có giá trị kinh tế như tôm, cá... thay vì cố dồn hết nguồn lực đưa nước ngọt đến vùng ngập mặn để phát triển cây lúa.

Hộp 2.3. Mô hình lúa – cá thích ứng với BĐKH

Mô hình lúa – cá thích ứng với BĐKH ngày càng được áp dụng phổ biến ở vùng Đồng Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Tại các vùng này vào mùa mưa, mực nước biển lại dâng cao, kết hợp lũ thượng nguồn, diện tích ngập lụt ngày càng tăng, khả năng canh tác bị hạn hẹp, năng suất bắp bênh. Từ công thức luân canh cũ là 3 vụ lúa, ngày nay người nông dân mạnh dạn chuyển vụ lúa 3 sang nuôi cá ngay trên đồng ruộng của mình bằng cách dùng lưới vây xung quanh ruộng. Cá có thể được thu hoạch vào cuối mùa mưa, khi nước rút xuống và đất lại được sử dụng cho việc trồng lúa. Vụ cá này có thể có thu nhập cao hơn so với vụ lúa 3.³¹

³¹ Tổng kết các biện pháp thích ứng với BĐKH đã được áp dụng cho nông nghiệp tại các vùng, website BCĐ Chương trình hành động thích ứng với BĐKH ngành NNPTNT, truy cập ngày 25/6/2017, <http://occa.mard.gov.vn/Giai-phap-mo-hinh/Mo-hinh-thich-ung/catid/18/item/2815/tong-ket-cac-bien-phap-thich-ung-voi-bdkh-da-duoc>



Mô hình sản xuất lúa kết hợp với nuôi cá đồng³²

2.1.4. Các doanh nghiệp tăng đầu tư cho cơ sở vật chất, hệ thống hạ tầng nhằm ứng phó với thách thức

Trong điều kiện thiên tai bất thường của thế kỷ 21, các biện pháp công trình và phi công trình vẫn phải được phối hợp để phát huy tác dụng. Trong những năm qua, ở Việt Nam, đã xuất hiện các hiện tượng thời tiết cực đoan như gió bão, giông lốc và lũ lụt lớn, nhờ chủ động thực hiện nhóm biện pháp công trình các doanh nghiệp đã giảm nhẹ hậu quả của thiên tai đáng kể, đặc biệt là giảm nhẹ thiệt hại về sinh mạng.

Biện pháp công trình bao gồm các giải pháp về kết cấu, quy hoạch, kiến trúc...như: Xây dựng công trình kiên cố, an toàn có khả năng chịu đựng thiên tai; Đắp đê ngăn lũ, ngăn sóng biển; Xây dựng hệ thống giảm chấn để giảm nhẹ dao động cho công trình;

³² Ảnh Minh Trí, TTXVN tại <http://www.vietnamplus.vn/ca-mau-mo-rong-mo-hinh-san-xuat-lua-ket-hop-voi-nuoi-ca-dong/303339.vnp>

Xây đập ở thượng nguồn để giảm ngập lụt hạ lưu; Xây dựng đê kè để giảm sóng hay chuyển hướng dòng chảy; Quy hoạch khu dân cư hợp lý, chú ý đầy đủ đến các biện pháp giảm nhẹ thiên tai; Chọn hình dạng và kích thước công trình hợp lý, không gây bất lợi khi có thiên tai...

Khảo sát của VCCI và TAF năm 2016 cho thấy có một tỷ lệ lớn các doanh nghiệp đã lựa chọn hành động bằng biện pháp công trình để ứng phó với rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu với, cụ thể: 24 – 43% doanh nghiệp được khảo sát đã thay đổi thiết kế nhà xưởng và khu vực làm việc và 22 – 44% doanh nghiệp lựa chọn xây dựng lại nhà xưởng và khu làm việc để đảm bảo chắc chắn hơn, an toàn hơn trong phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH.

2.1.5. Doanh nghiệp sử dụng các biện pháp nhằm chuyển giao rủi ro/ giảm thiểu rủi ro qua dịch vụ bảo hiểm

Thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan do BĐKH gây ra đã và sẽ gây những thiệt hại lớn cho doanh nghiệp và người dân. Bên cạnh các biện pháp chủ động giảm nhẹ BĐKH, chống chịu với thiên tai thì sử dụng các dịch vụ bảo hiểm để chuyển giao và chia sẻ hậu quả của rủi ro thiên tai sẽ làm cách làm tốt để đảm bảo sự ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khảo sát doanh nghiệp Việt nam về ứng phó với rủi ro thiên tai và BĐKH của VCCI và TAF cho thấy có một số lượng khá nhiều doanh nghiệp đã lựa chọn bảo hiểm là biện pháp nhằm chuyển giao rủi ro hoặc giảm thiểu rủi ro để có nguồn bồi thường, khắc phục hậu quả thiên tai và thời tiết cực đoan do BĐKH gây ra.

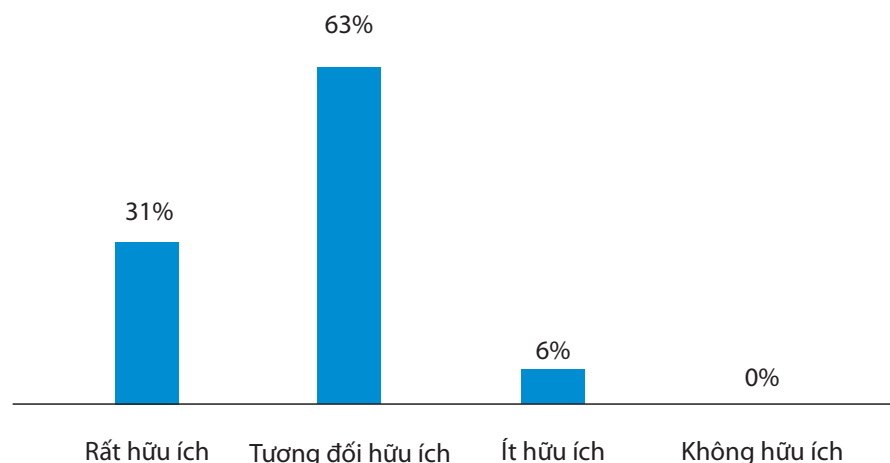
Bảng 2.1. DN đã thực hiện hành động nào để ứng phó RRTT và BĐKH³³

	Các hoạt động ứng phó rủi ro thiên tai và BĐKH	Tỷ lệ %
1	Tìm hiểu thông tin về rủi ro của BĐKH	41
2	Xây dựng lại nhà xưởng khu làm việc	44
3	Di dời nhà xưởng, khu làm việc	16
4	Thay đổi thiết kế nhà xưởng, khu làm việc hiện tại	36
5	Có biện pháp tạm thời để ứng phó	66
6	Dành kinh phí cho ứng phó rủi ro BĐKH	43
7	Đào tạo cán bộ, nhân viên	50
8	Diễn tập cho cán bộ, nhân viên	24
9	Có phương án bảo vệ cán bộ, công nhân viên	47
10	Có kế hoạch đảm bảo sản xuất liên tục	40
11	Yêu cầu đối tác kinh doanh cùng có kế hoạch ứng phó	25
12	Thay đổi nhà cung ứng do không đáp ứng được yêu cầu	11
13	Mua bảo hiểm cho nhà xưởng	50
14	Mua bảo hiểm cho nhân viên	48

Kết quả cuộc khảo sát do VCCI và TAF tiến hành cũng cho thấy đối với những doanh nghiệp đã mua bảo hiểm cho nhà xưởng và/hoặc cho nhân viên để bảo vệ tài sản, nhân lực của doanh nghiệp khi rủi ro xảy ra, đa số các doanh nghiệp đều đánh giá cao mức độ hữu ích của các sản phẩm bảo hiểm này. Với các doanh nghiệp đã tham gia khóa đào tạo của VCCI và TAF về RRTT và BĐKH, có 31% cho biết việc mua bảo hiểm RRTT là rất hữu ích đối với doanh nghiệp, 63% cho biết tương đối hữu ích. Chỉ có 6% cho biết là ít hữu ích và không doanh nghiệp nào cho biết là không hữu ích.

³³ Báo cáo khảo sát “Doanh nghiệp Việt Nam ứng phó với rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu” do VCCI và TAF thực hiện năm 2016

Biểu đồ 2. 1. Đánh giá của doanh nghiệp về mức độ hữu ích của việc mua bảo hiểm rủi ro thiên tai



2.1.6. Điều chỉnh danh mục cho vay của các ngân hàng

Bị ảnh hưởng bởi thiên tai và thời tiết cực đoan do BĐKH gây ra, các khoản đầu tư từ vay mượn của ngân hàng có thể phải đối mặt với rủi ro bị thiệt hại, giảm hiệu quả, mất khả năng thanh toán hoặc mất khả năng thu hồi nợ... Để thích ứng với tình trạng thiên tai và thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng do tiến triển của BĐKH, các ngân hàng cần thiết phải xem xét kỹ hơn để xuất vay vốn và danh mục các khoản cho vay của mình, đảm bảo các bên đi vay phải có phương án quản trị rủi ro tốt nhất, giảm thiểu những thiệt hại tiềm tàng của dự án thực hiện bởi các khoản vay từ ngân hàng.

Đồng thời, các ngân hàng cũng cần thực hiện trách nhiệm xã hội trong việc đảm bảo danh mục các khoản vay không bao gồm các khoản tài trợ cho các dự án gây phương hại tới môi trường hoặc làm gia tăng tình trạng BĐKH. Hành động can thiệp với danh mục khoản vay của các ngân hàng sẽ giúp họ ứng phó tốt hơn với rủi ro thiên tai và góp phần làm giảm tình trạng BĐKH.

Hộp 2.4. Kinh nghiệm quốc tế về điều chỉnh danh mục cho vay để chống BĐKH: Cam kết hành động của các ngân hàng Australia

Theo nhà phân tích Market Forces, bốn ngân hàng lớn ở Australia là ANZ, CBA, NAB và WBC có thể sẽ hiện thực hóa các phát biểu đầy tham vọng của mình nhằm giúp đạt Mục tiêu 2°C trong giảm tình trạng nóng lên của trái đất bằng cách không cấp các khoản vay mới đầu tư cho các dự án than. Hành động này bao gồm cả việc tạm dừng tái cấp vốn các khoản vay cũ từ các ngân hàng trị giá 8 tỷ đô la Australia cho khai thác than sẽ hết hạn trong vòng năm năm tới. Tuyên bố của ANZ thừa nhận lo ngại rằng cho vay đối với các dự án khai thác nhiên liệu hóa thạch là mâu thuẫn với nhu cầu giảm phát thải khí nhà kính. Westpac đã đi xa hơn khi tuyên bố rằng họ sẽ có "hành động cụ thể để đảm bảo hoạt động cho vay và đầu tư của chúng tôi hỗ trợ một nền kinh tế hạn chế sự nóng lên toàn cầu đến dưới hai độ".

Các khoản vay cho các dự án nhiên liệu hóa thạch từ năm 2008 tới nay của bốn ngân hàng gồm 475 hợp đồng, trong đó có 142 khoản là cho các dự án than. Tất cả các khoản vay hiện tại của công ty than của Australia sẽ được thực hiện đến thời điểm hết hạn vào năm 2021.

Julien Vincent, đại diện Market Forces, cho rằng: "Hành động khẩn cấp không chỉ cần thiết mà còn khả thi vì dòng chảy tài chính có thể làm thay đổi ngành này rất nhanh chóng". Nhóm các nhà phân tích này đang kêu gọi các ngân hàng loại bỏ than ra khỏi danh mục cho vay trước năm 2021.³⁴

³⁴ Michael Slezak, Climate change: Australia's big banks urged to reject new loans for coal projects, The Guardian, 17/5/2016, <https://www.theguardian.com/business/2016/may/18/australia-climate-change-big-four-banks-urged-to-reject-new-loans-for-coal-projects>

2.1.7. Điều chỉnh danh mục đầu tư của định chế đầu tư

Đứng trước những thách thức và cơ hội do biến đổi khí hậu mang lại, các định chế đầu tư trong nước và quốc tế đã kịp thời điều chỉnh danh mục đầu tư của họ đảm bảo tài trợ thích đáng cho những dự án đầu tư an toàn trước thiên tai, giảm phát thải và bảo vệ môi trường.

Hộp 2.5. Cơ hội cho tăng trưởng xanh do các định chế đầu tư đem lại

Tháng 6/2016 Ngân hàng Thế giới đã phê duyệt khoản Tài trợ Chính sách Phát triển trị giá 90 triệu USD trong khuôn khổ 3 chương trình về về Cải cách chính sách tăng trưởng xanh và ứng phó BĐKH, bao gồm tăng cường quản lý ven biển, rừng ngập mặn và sử dụng nước; cải tiến quy chuẩn giao thông và công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng không khí; đẩy mạnh sản xuất sạch và tiết kiệm; sử dụng năng lượng tái tạo nhằm giảm phát thải khí nhà kính.

Ngân hàng Thế giới còn tài trợ chương trình đầu tư đồng bộ vào Ứng phó BĐKH và Bền vững Sinh kế vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trị giá 310 triệu USD được phê duyệt hồi tháng 6/2016. Ngân hàng Thế giới đang chuẩn bị dự án Tiết kiệm Năng lượng các Xí nghiệp Công nghiệp tại Việt Nam nhằm khuyến khích đầu tư vào các dự án tiết kiệm năng lượng và hỗ trợ xây dựng lộ trình sản xuất 12 GW điện mặt trời vào năm 2030.

Quý Tín thác Tăng trưởng Xanh Hàn Quốc (KGGTF) cùng IFC giúp Việt Nam với kinh nghiệm từ Hàn Quốc nhằm xây dựng các khu công nghiệp sinh thái, với mục đích không chỉ hướng tới giảm ô nhiễm mà còn xác định những lĩnh vực mà các ngành công nghiệp có thể bổ trợ cho nhau.³⁵

³⁵ Phạm Hoàng Mai, Cam kết tăng trưởng xanh và giải quyết vấn đề BĐKH tại Việt Nam, World Bank, 9/11/2016: <http://www.worldbank.org/vi/news/feature/2016/11/09/a-commitment-to-grow-green-and-address-climate-change-in-vietnam>.

2.1.8. Doanh nghiệp ngành du lịch thích ứng với BĐKH

Doanh nghiệp trong ngành du lịch có trách nhiệm quản lý và hướng dẫn khách du lịch bảo vệ môi trường, đảm bảo cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái; phát triển sản phẩm du lịch thân thiện với môi trường; tăng diện tích cây xanh...



Doanh nghiệp du lịch không nên tự đặt mình trước nguy cơ!

Doanh nghiệp du lịch cần quy hoạch công trình du lịch an toàn, đảm bảo không đặt cơ sở du lịch ở nơi có mưa lũ, triều cường, sạt lở hoặc đầu tư đủ để xây dựng công trình vững chắc... để tránh hư hại cho công trình, tàn phá cảnh quan và đảm bảo an toàn cho du khách!

Ngành du lịch có thể hỗ trợ ứng phó với BĐKH bằng giảm phát thải khí nhà kính qua việc thay đổi công nghệ để giảm lượng phát thải CO₂ trên mỗi tấn hàng hoá và mỗi hành khách vận chuyển, tiết kiệm năng lượng điện, nước nhằm tiết kiệm tài nguyên, tăng cường vệ sinh khu du lịch để giảm ô nhiễm môi trường...



Sạt lở công trình du lịch tại bãi biển Cửa Đại³⁶

³⁶ Ảnh: Đình Tăng, Báo điện tử Đảng CSVN, 25/2/2016, <http://dangcongsan.vn/xa-hoi/giai-phap-nao-cho-tinh-trang-xoi-lo-bo-bien-cua-dai-374714.html>

2.2. Doanh nghiệp và những hành động phát huy cơ hội làm giảm nhẹ BĐKH và tăng tính bền vững trong kinh doanh

2.2.1. Doanh nghiệp ngành nông lâm nghiệp nắm bắt cơ hội kinh doanh mới do sự thay đổi về khí hậu giữa các vùng

Thời gian tới, Việt Nam sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng gay gắt của hạn hán và xâm nhập mặn, tình trạng thiếu nước sinh hoạt, nước uống, thức ăn gia súc có khả năng sẽ xảy ra ở một số địa phương như Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định.

Tuy vậy, ngoài những bất lợi về điều kiện thời tiết khô hạn nắng nóng quanh năm, vùng Nam Trung bộ cũng có những điểm thuận lợi để chăn nuôi bò thịt, dê và cừu tại hộ nông dân, nguồn thức ăn tự nhiên sẵn có dù điều kiện khô hạn, vị trí địa lý sát biển giúp vật nuôi nhận được nhiều khoáng chất nên phát triển tốt hơn những nơi khác.

Trước tình hình thời tiết và cơ hội như vậy, một số tỉnh khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên đã lựa chọn các giải pháp chăn nuôi phù hợp kết hợp tạo những thành công mới cho ngành chăn nuôi tại địa phương. Khu vực miền Trung và Tây Nguyên có cơ cấu vật nuôi rất đa dạng và thời gian gần đây có sự tăng trưởng đáng kể. Đây là khu vực có lợi thế chăn nuôi vật nuôi chịu hạn, ít cần nước như cừu, đà điểu, ong mật, tằm... Các sản phẩm chăn nuôi này chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản phẩm tương ứng của ngành chăn nuôi cả nước.



Chăn nuôi cừu ở Ninh Thuận và Khánh Hòa chiếm trên 98% sản lượng cả nước³⁷

i

Theo Cục Chăn nuôi, một số sản phẩm chăn nuôi các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng sản lượng chăn nuôi của cả nước như: Thịt đà điểu đạt trên 1 ngàn tấn chiếm 83,6% tổng sản lượng cả nước, thịt cừu đạt 1,85 ngàn tấn chiếm 98,3% cả nước, tập trung tại Ninh Thuận và Khánh Hòa, mật ong đạt 9,3 ngàn tấn chiếm 60% cả nước chủ yếu ở các tỉnh Tây Nguyên, sản lượng kén tằm đạt gần 5 ngàn tấn chiếm 74% cả nước tập trung ở 2 tỉnh Lâm Đồng và Bình Định. Đây là những mô hình sản xuất chăn nuôi hiệu quả thích ứng với BĐKH, góp phần tăng thêm thu nhập cho người dân khi các hoạt động sản xuất nông nghiệp khác đang chịu ảnh hưởng nặng nề do hạn hán, xâm nhập mặn³⁸

³⁷ Ảnh: Mạnh Tuấn, Báo nông nghiệp Việt Nam, VietGAP, 10/6/2016, http://www.vietgap.com/thong-tin/997_6081/phan-trien-chan-nuoi-trong-dieu-kien-bien-doi-khi-hau.html

³⁸ Như trên (VietGAP)

2.2.2. Doanh nghiệp nắm bắt cơ hội kinh doanh mới từ sự thay đổi của chuỗi cung ứng toàn cầu do hệ quả của quá trình BĐKH

Sự đa dạng về địa lý cùng khả năng phát triển điện gió, cộng thêm tài nguyên thủy điện rộng khắp đất nước, Việt Nam sẽ có lợi thế lớn trong việc sử dụng điện gió với chi phí thấp. Việc tận dụng nguồn năng lượng gió sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự linh hoạt và an ninh năng lượng quốc gia trong tương lai khi nhu cầu năng lượng phát sinh từ sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam ngày càng tăng.

Phát triển năng lượng tái tạo là một trong những ưu tiên của Chính phủ để giải quyết những thách thức năng lượng nhằm đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Với mong muốn nhằm phát triển cơ sở hạ tầng ngành năng lượng tái tạo tại Việt Nam, cần phát triển sự hợp tác quốc tế để học hỏi năng lực chuyên môn và kinh nghiệm của các doanh nghiệp nước ngoài trong việc phát triển nguồn năng lượng gió quan trọng này nhằm giảm thiểu các tác động đến môi trường và BĐKH.

Dự án điện gió 1000 MW của General Electric có cam kết sử dụng 30% thiết bị và vật tư của dự án từ nguồn nội địa hóa. Câu hỏi đặt ra là, với cam kết về tỷ lệ nội địa hóa như vậy các doanh nghiệp Việt Nam có tận dụng được cơ hội để tham gia phát triển điện gió? Và có đủ trình độ, năng lực đáp ứng theo yêu cầu của dự án hay không?

Hộp 2.6. BĐKH thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu

Tập đoàn General Electric (GE) đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển trang trại điện gió đầu tiên của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long tại tỉnh Bạc Liêu. GE đã cung cấp 62 tua bin gió, với tổng công suất trên 99MW điện. Giai đoạn I của dự án đã hòa lưới điện quốc gia vào tháng 6/2013.

GE đã ký kết Biên bản Ghi nhớ với Bộ Công Thương về chương trình phát triển điện gió tại Việt Nam, mở ra một cơ hội mới cho các doanh nghiệp nội trong lĩnh vực phát triển năng lượng tái tạo. Theo đó, mục tiêu chung của cả hai bên là phát triển tối thiểu 1.000MW điện từ các dự án điện gió mới cho tới năm 2025. Ước tính, sản lượng điện này đủ để cung cấp cho 1,8 triệu hộ dân Việt Nam.

Thỏa thuận này cũng sẽ hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia thông qua việc nội địa hóa sản xuất các thiết bị và linh kiện của tua-bin gió tại nhà máy GE Hải Phòng cũng như hợp tác với các nhà cung cấp nội địa khác. Có rất nhiều bộ phận thuộc các hạng mục của điện gió mà doanh nghiệp trong nước có thể làm được như phần cơ điện, khí, cơ sở hạ tầng... Do đó, với tỷ lệ nội địa 30%, dự án có thể tạo ra một số lượng việc làm tương đối cho người lao động. Qua đó cũng rèn luyện và nâng cao trình độ, tay nghề cho doanh nghiệp và người lao động.³⁹

2.2.3. Doanh nghiệp ngành vật liệu xây dựng nắm bắt cơ hội kinh doanh mới từ chuyển đổi công nghệ tiết kiệm năng lượng

Vật liệu xây dựng là sản phẩm của ngành công nghiệp sử dụng rất nhiều năng lượng và gây phát thải lớn. Chiếm tỷ trọng lớn trong vật liệu xây dựng tại Việt Nam là các loại gạch xây dựng. Nhu cầu gạch xây dựng ở Việt Nam đang ở mức rất cao. Nếu chỉ tính mức tiêu thụ khoảng 20 - 22 tỷ viên gạch xây mỗi năm, sẽ phải tiêu tốn khoảng 2.500 ha - 3.000 ha đất canh tác⁴⁰. Do đó, sản xuất gạch nung đồng nghĩa với việc thu hẹp dần diện tích đất nông nghiệp. Đi liền với khối lượng gạch nung trên là số lượng lớn than, củi và rất nhiều khí độc thải vào không khí, gây ô nhiễm môi trường và BĐKH.

³⁹ Văn Anh, Phát triển điện gió: Cơ hội cho doanh nghiệp nội, Báo xây dựng, 21/5/2016, <http://www.baoyaydung.com.vn/news/vn/kinh-te/phan-trien-dien-gio-co-hoi-cho-doanh-nghiep-noi.html>

⁴⁰ Sở KH-CNMT Hà Nội, Công nghệ sản xuất gạch không nung tiết kiệm năng lượng, VNEEP, 4/8/2011, <http://tietkiemnangluong.com.vn/tin-tuc/pho-bien-kien-thuc/t11885/cong-nghe-san-xuat-gach-khong-nung-tiet-kiem-nang-luong.html>



Ô nhiễm do nung gạch tại chợ Mới - An Giang ⁴¹

Làm thế nào để có thể cùng một lúc giải quyết vấn đề trên? Nỗi lo, trăn trở này đã phần nào được giải tỏa với sự góp mặt của công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường. Sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường (vật liệu xanh) đang trở thành xu thế tất yếu và là mục tiêu hướng tới của ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Để đạt được mục tiêu này, các sản phẩm vật liệu xây dựng phải đáp ứng được hai yêu cầu: Tiêu tốn ít năng lượng hơn cho việc tạo ra nó và giúp tiết kiệm được điện năng tiêu thụ khi đưa vào sử dụng. Chương trình phát triển vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020 ⁴² với mục tiêu phát triển sản xuất và sử dụng vật liệu xanh thay thế gạch đất sét nung đạt tỷ lệ 20 - 25% vào năm 2015 và 30 - 40% vào năm 2020 cũng đã được Chính phủ ký quyết định phê duyệt. Doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng cần có phương án sản phẩm tương tự trong hành động ứng phó với BĐKH.

⁴¹ Ảnh Quốc Dũng, Người lao động, 18/11/2010, <http://nld.com.vn/xa-hoi/tai-hoa-lo-lung-20101117104743148.htm>

⁴² Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/04/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020.

Hộp 2.7. Các loại vật liệu xanh thay thế gạch nung

Gạch bê tông nhẹ

Đây là sản phẩm dùng công nghệ chưng áp khí, không nung. Bê tông nhẹ làm thành gạch khối, tấm sàn mái, tấm tường. Cốt liệu sản phẩm được làm từ cát, nước, vôi, xi măng qua công nghệ trộn với bột nhôm, phụ gia đổ vào khuôn. Từ đó, hỗn hợp cho phản ứng lý hoá tạo sự giãn nở thành những túi khí bên trong nên sản phẩm có độ rỗng cao. Sau đó cho vào nồi hấp chưng áp có nhiệt độ và áp suất cao. Sản phẩm bê tông nhẹ là sản phẩm xanh vì giảm được chất thải do không nung, không gây ảnh hưởng môi trường.



Sản phẩm gạch bê tông nhẹ không nung

Ưu điểm sản phẩm là nhẹ hơn 1/2 so với gạch đất sét nung, nên tiết kiệm được chi phí nền móng. Theo nhà sản xuất, do cấu trúc và thành phần bê tông nhẹ nên có khả năng cách nhiệt, có thể giảm khoảng 30% điện năng cho máy lạnh; Khả năng cách âm cao, giảm khoảng 1/2 so với vật liệu gạch truyền thống, chống cháy được khoảng bốn giờ. Bề mặt gạch phẳng, đều nên tiết kiệm vữa trát tường. Giá thành cao hơn gạch thông thường khoảng 10 - 15% nhưng lại giảm được nhiều chi phí khác... ⁴³

⁴³ Đức Anh, Các loại vật liệu xanh trong xu hướng xây dựng hiện đại, 4/3/2016, Tạp chí Môi trường, <http://tapchimoitruong.vn/pages/article.aspx?item=C%C3%A1c-lo%E1%BA%A1i-v%E1%BA%ADt-li%E1%BB%87u-xanh-trong-xu-h%C6%B0%E1%BB%9Bng-x%C3%A2y-d%E1%BB%B1ng-h%E1%BB%87n-%C4%91%E1%BA%A1i-40651>

2.2.4. Doanh nghiệp ngành năng lượng nắm bắt cơ hội kinh doanh mới từ sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo

Bên cạnh những thách thức và rủi ro, BĐKH cũng tạo ra những nhu cầu đầu tư, giao dịch từ đó tạo ra các cơ hội cho các doanh nghiệp và ngân hàng. Thời gian qua, Việt Nam đã thu hút được những nguồn tài trợ lớn từ quốc tế cho các hoạt động BĐKH ở Việt Nam. Số vốn huy động được cam kết lên đến trên 1,2 tỷ USD. Điển hình là 500 triệu USD từ Nhật Bản cho chương trình hỗ trợ ứng phó với BĐKH trong 3 năm (2010 - 2012); 250 triệu USD từ Quỹ công nghệ sạch cho các dự án giao thông, đô thị, thủy lợi và năng lượng; 100 triệu USD cho chương trình chống suy thoái và quản lý rừng bền vững từ Chính phủ Na Uy và gần 50 dự án khác được đăng ký... Đây là nguồn vốn khá lớn dành cho các quốc gia đang phát triển cũng như các doanh nghiệp tận dụng để đầu tư cho các dự án của mình.⁴⁴

Yêu cầu của toàn thế giới về giảm lượng phát thải khí nhà kính để làm giảm tình trạng nóng lên của trái đất đã đưa đến nhu cầu sử dụng năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời... để thay thế cho nhiệt điện sử dụng năng lượng hóa thạch gây phát thải CO₂ lớn. Năm 2011, Chính phủ đã ban hành Quyết định 37/2011/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam. Theo quy hoạch này, tổng công suất nguồn điện gió sẽ đạt 1.000 MW vào năm 2020 (chiếm 0,7% tổng lượng điện cả nước) và 6.200 MW vào năm 2030.

⁴⁴ Văn Nam, Biến đổi khí hậu: Biến thách thức thành cơ hội!, Báo Đồng Nai, 24/10/2011, <http://www.baodongnai.com.vn/kinhte/201110/Bien-doi-khi-hau-Bien-thach-thuc-thanh-co-hoi-2104886/>

Nhằm đảm bảo cho nhu cầu về điện năng để phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ Việt Nam đã đặt ra một số mục tiêu sản xuất điện trong Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia (Tổng Sơ đồ Điện VII) giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến 2030 như sau: Cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu năm 2015 khoảng 194 – 210 tỷ kWh; khoảng 330 – 362 tỷ kWh vào năm 2020; khoảng 695 – 834 tỷ kWh vào năm 2030. Ưu tiên phát triển nguồn năng lượng tái tạo cho sản xuất điện, tăng tỷ lệ điện năng sản xuất từ nguồn năng lượng này từ mức 3,5% năm 2010, lên 4,5% tổng điện năng sản xuất vào năm 2020 và 6,0% vào năm 2030⁴⁵. Từ tháng 6 năm 2017,⁴⁶ các dự án phát triển điện mặt trời tại Việt Nam sẽ được hưởng những cơ chế khuyến khích về thuế và vốn đầu tư, và ưu đãi về đất đai và giá bán điện (feed-in tariff).

Hộp 2.8. Năng lượng tái tạo: Vốn đầu tư đã sẵn sàng cho doanh nghiệp

Ngân hàng Thế giới đã cấp khoản tín dụng cho Dự án Phát triển Năng lượng Tái tạo (REDP) trong khoảng thời gian 2009-2014. Dự án sẽ cung cấp một khoản tín dụng tương đương 201,2 triệu USD thông qua các ngân hàng trong nước như: BIDV, Vietcombank, Sacombank, ACB và Techcombank để cho các nhà đầu tư dự án năng lượng tái tạo vay lại. Các dự án năng lượng tái tạo.

Ngân hàng Tái thiết Đức KfW (CHLB Đức) cũng có một số chương trình cung cấp tài chính, như chương trình hoạt động bảo vệ khí hậu và môi trường (IKLU). Đã có thoả thuận của chính phủ Đức thông qua KfW hỗ trợ khoản cho vay 35 triệu USD cho dự án phong điện Thuận Bình, thuộc EVN.

⁴⁵ Quyết định 1208/2011/QĐ-TTg ban hành ngày 21 tháng 7 năm 2011 về phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030.

⁴⁶ Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ký ngày 11/4/2017 về Cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam.

Quỹ đầu tư Dragon Capital cũng thành lập Quỹ Phát triển Sạch Mekong Bhahmaputra đầu tư vào lĩnh vực năng lượng sạch, chương trình tiết kiệm năng lượng và xử lý môi trường với số vốn giai đoạn đầu là 45 triệu USD (khoảng 100 triệu USD trong giai đoạn tiếp theo). Quỹ có thể cung cấp khoản tài chính khoảng 7 triệu USD.

Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB) có nhiều chương trình tài chính cho các dự án năng lượng tái tạo, cho vay đầu tư phát triển trung và dài hạn, hoặc cho vay lại các khoản vốn ODA của chính phủ, của các ngân hàng quốc tế hợp tác. Mức vốn cho vay tối đa là 85% tổng vốn đầu tư dự án và thời gian vay tối đa là 20 năm với 5 năm ân hạn.⁴⁷

2.2.5. Doanh nghiệp ngành lâm nghiệp tăng cường cung cấp dịch vụ môi trường rừng để ứng phó với BĐKH

Mất rừng và suy thoái rừng phát thải ra môi trường khoảng 4-14% tổng lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu, trở thành nguyên nhân lớn thứ hai gây ra BĐKH⁴⁸. Do đó, bất kỳ hành động nào giúp giảm mất rừng và suy thoái rừng cũng làm giảm đáng kể lượng khí các-bon-nic và các vấn đề môi trường, xã hội khác có liên quan đến nạn phá rừng và suy thoái rừng.

Hiện nay, Việt Nam đang tích cực tham gia vào sáng kiến bảo tồn và phát triển rừng quốc tế, trong đó có các dự án nhằm cung cấp hỗ trợ tài chính cho các nước đang phát triển để giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ hệ

⁴⁷ Diễn đàn thông tin về tự động hóa công nghiệp, Sôi động dự án điện gió Việt Nam, 3/11/2012, <http://iavietnam.net/detailnews/M46/N906/soi-dong-du-an-dien-gio-viet-nam.htm>

⁴⁸ H.Q., Triển khai sáng kiến REDD+ nhằm giảm thiểu biến đổi khí hậu, Báo Quảng Bình, 08/07/2015, <http://baoquangbinh.vn/toa-soan-ban-doc/201507/trien-khai-sang-kien-redd-nham-giam-thieu-bien-doi-khi-hau-2126524/>

thống khí hậu toàn cầu thông qua 5 hoạt động: Giảm phát thải từ mất rừng, Giảm phát thải từ suy thoái rừng, Bảo tồn trữ lượng các bon rừng, Quản lý rừng bền vững, Tăng cường trữ lượng các-bon rừng.

Từ 2009, Việt Nam tham gia hai sáng kiến quốc tế: Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, và Quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các-bon rừng (REDD+). Năm 2012, Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về REDD+ giai đoạn 2011-2020 (Quyết định 799/QĐ-TTg). Đây là một trong những tài liệu quan trọng nhất trong việc thực hiện REDD+ tại Việt Nam.

Chi trả DVMTR là chính sách đầu tiên về lâm nghiệp xem việc bảo vệ và phát triển rừng là các dịch vụ. Thực hiện cơ chế “những người được hưởng lợi từ rừng có trách nhiệm đóng góp nhằm bảo vệ và phát triển rừng”. Đây là hướng đi mới nhằm thực hiện mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng bền vững, nâng cao thu nhập cho người bảo vệ rừng. Chính sách chi trả DVMTR được xem là hình thức huy động vốn đầu tư cho rừng theo cách “lấy rừng nuôi rừng”. Chính sách này cũng góp phần cùng với những nỗ lực quốc tế trong việc bảo vệ rừng, môi trường, chống suy thoái rừng và giảm mức độ BĐKH toàn cầu.

Chi trả DVMTR sẽ từng bước thúc đẩy, tạo lập cơ chế thị trường trong ngành Lâm nghiệp; thể hiện mối quan hệ trong giao dịch kinh tế minh bạch giữa một bên mua là bên sử dụng DVMTR (đối tượng thụ hưởng DVMTR) và bên bán là bên cung ứng DVMTR (cá nhân/ doanh nghiệp chủ rừng).

Nguồn thu nhập từ DVMTR sẽ góp phần gia tăng giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp, giúp giảm áp lực ngân sách Nhà nước về vốn đầu tư cho quản lý và bảo vệ rừng và đóng góp vào tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội cho ngành Lâm nghiệp. Chi trả DVMTR sẽ là cơ hội lớn cho doanh nghiệp ngành Lâm nghiệp tăng cường cung cấp dịch vụ và phát triển doanh nghiệp trên cơ sở kinh tế thị trường minh bạch.

Hình 2.1. Chi trả dịch vụ môi trường rừng tính đến 30/06/2016



2.2.6. Doanh nghiệp ngành Ngân hàng, Tài chính, Bảo hiểm phát triển và kinh doanh các sản phẩm mới

Cùng với diễn biến thiên tai ngày một phức tạp, BĐKH đang góp phần làm cho rủi ro trong sản xuất nông nghiệp ngày một gia tăng làm phát sinh nhu cầu bảo hiểm để chia sẻ và chuyển giao rủi ro. Sự tham gia của các doanh nghiệp bảo hiểm để phát triển sản phẩm mới là điều cần thiết. Bên cạnh giải quyết phần nào các vấn đề thiệt hại kinh tế kể trên, việc phát triển thêm các sản phẩm chuyên dụng có thể làm phong phú thêm sản phẩm cho thị trường bảo hiểm Việt Nam, qua đó có thể nâng cao trình độ của ngành bảo hiểm, nâng tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm của người dân và doanh nghiệp.

Một giải pháp bảo hiểm mới thường được nhắc đến là bảo hiểm chỉ số thời tiết đã từng được áp dụng tại một số nước như Ấn độ, Mexico... Giải pháp bảo hiểm này có nội dung chính là lấy chỉ số khách quan của từng đối tượng bảo hiểm, ví dụ đối với cây trồng chỉ số bảo hiểm là thời tiết, làm căn cứ xét bồi thường. Ưu điểm của phương pháp này là khả năng rủi ro về đạo đức khá thấp, vì căn cứ để xét bồi thường là chỉ số khách quan không phụ thuộc vào ý muốn và hành vi chủ quan của con người; giảm được chi phí quản lý, tránh được tình trạng trục lợi bảo hiểm.

Tại Việt Nam, trong 3 năm qua, bảo hiểm chỉ số đã được áp dụng thí điểm tại tỉnh Đồng Tháp. Chỉ số bảo hiểm ở đây dựa trên mực nước lũ sớm, chẳng hạn như nếu vượt quá 270cm ở đập Tân Châu, lúa bị ngập do không kịp thu hoạch, bà con ở huyện Hồng Ngự và Tam Nông sẽ được công ty bảo hiểm bồi thường.⁴⁹

⁴⁹Hà Yên, Thí điểm thực hiện bảo hiểm nông nghiệp theo thời tiết, Vietnamnet, 12/01/2009, <http://vnn.vietnamnet.vn/kinhhte/2009/01/823474/>

Các cơ quan chức năng đang nghiên cứu để triển khai đề án rộng rãi về việc thí điểm thực hiện bảo hiểm nông nghiệp trên các chỉ số về thời tiết. Theo đó, Chính phủ sẽ hỗ trợ một phần phí bảo hiểm cho người tham gia bảo hiểm, ưu tiên những đối tượng chính sách, các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, sinh sống tại những vùng thường xuyên có nhiều thiên tai, dịch bệnh. Tuy nhiên, những sản phẩm đầy hy vọng này vẫn chưa đang trong quá trình nghiên cứu để ứng dụng tại Việt Nam. Trong khi chờ đợi thì đã xuất hiện một số giải pháp sản phẩm mới về bảo hiểm như trong trường hợp sau đây:

Hộp 2.9. *Quảng Nam - Cả làng đóng bảo hiểm cho bò*⁵⁰

Không chỉ con người, mà ở xã Điện Quang (huyện Điện Bàn, Quảng Nam), hàng ngàn con bò được đóng bảo hiểm để phòng rủi ro khi đau ốm cũng như không may chết đi. Gói bảo hiểm này do Hợp tác xã Điện Quang thành lập từ năm 2009 với tên gọi đầy đủ là Quỹ bảo hiểm chăn nuôi trâu bò. Từ lúc ra đời đến nay, đã có 2.068 con trâu bò ở xã Điện Quang được đóng bảo hiểm.

Khách hàng sẽ được hưởng 80% chi phí khám bệnh và điều trị khi gia súc bị bệnh; 100% chi phí tiêm phòng các loại vắc xin phòng bệnh theo quy định nhà nước. Nếu trâu bò chết không điều trị khỏi được, HTX có trách nhiệm chi trả hỗ trợ 80% giá trị thiệt hại theo giá thị trường của xã Điện Quang tại thời điểm gia súc bị chết.



Nhân viên thú y kiểm tra sức khỏe bò theo hợp đồng bảo hiểm

⁵⁰ Vũ Hưng, VCIC - Nơi khởi nghiệp sáng tạo ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 29/06/2016, <http://www.khoahocvacongnghevietnam.com.vn/khcn-trung-uong/12566-vcic-noi-khoi-nghiep-sang-tao-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-tai-viet-nam.html>

Từ lúc quỹ bảo hiểm ra đời, HTX đã tiến hành thủ tục đền bù cho các hộ bị thiệt hại khoảng 128 triệu đồng. Nói về món bảo hiểm này, ông Phạm Tấn Phong (thôn Xuân Đài, xã Điện Quang) cho biết: “Nhà tui nay đã đóng bảo hiểm cho 3 con bò. Mình không mua bảo hiểm là thiệt. Bò đau ốm hay bệnh tật là cứ theo hợp đồng mà giao cho thú y của HTX lo, lỡ nó chết đi thì mình cũng chẳng lỗ. Ví dụ con bò ngã xuống khoảng 10 triệu thì mình được đền 8 triệu”.

BĐKH ngày càng thu hút sự quan tâm của các định chế tài chính, trong đó có các quỹ khởi nghiệp. Thời gian qua, nhiều quỹ khởi nghiệp đã tham gia tích cực, tạo ra những sản phẩm tín dụng, đầu tư mới hấp dẫn nhà đầu tư để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực ứng phó với BĐKH. Một trong những sản phẩm đó là mô hình VCIC của Ngân hàng Thế giới.

Hộp 2.10. *Trung tâm VCIC đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo ứng phó với BĐKH tại Việt Nam*⁵¹

"Trung tâm Đổi mới sáng tạo ứng phó với BĐKH Việt Nam (VCIC)" là một phần của Chương trình đổi mới sáng tạo ứng phó với BĐKH của WB với mục tiêu thiết lập mạng lưới kết nối 7 trung tâm đổi mới sáng tạo ứng phó với BĐKH trên toàn thế giới.

Mục tiêu của VCIC là trong vòng 3 năm đầu hoạt động sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ sạch và giúp hơn 1.700 hộ dân tiếp cận với các sản phẩm và dịch vụ khí hậu thông minh mới và cải tiến. Các lĩnh vực ưu tiên của VCIC là: hiệu quả sử dụng năng lượng, nông nghiệp bền vững, công nghệ vận tải, quản lý và lọc nước, công nghệ năng lượng tái tạo, nhiên liệu sinh học và sinh khối, các hình thức kinh doanh công nghệ khí hậu khác.

Mới đây, 19 doanh nghiệp có các dự án đã được VCIC trao giải “Khởi nghiệp sáng tạo ứng phó với BĐKH Việt Nam” và được VCIC hỗ trợ về tài chính, đào tạo, thiết kế mô hình kinh doanh, cung cấp chuyên gia công nghệ... Các dự án đã được triển khai và trên thực tế đã chứng minh được

⁵¹ Như trên (Vũ Hưng)

hiệu quả trong tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải CO₂ như: Hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng dẫn dụ cá sử dụng đèn LED (có thể tiết kiệm được 80% điện năng của tàu cá, qua đó tiết kiệm được hơn 60% lượng dầu diesel sử dụng cho ánh sáng của mỗi tàu, giảm phát thải 60 tấn CO₂/tàu/năm, nâng cao thu nhập của thuyền viên lên tới hơn 30 triệu đồng/người/năm); Mô hình sản xuất nguyên liệu đốt từ vỏ trấu và mùn cưa ép (tiết kiệm hơn than đá 15-20%, tiết kiệm hơn củi cành 10-15%, giảm phát thải CO₂...); Tận dụng nước thải sau chưng cất cồn để sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp...

Sự hỗ trợ của VCIC cho đổi mới sáng tạo ứng phó với BĐKH là một cơ hội lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực công nghệ ứng phó với BĐKH. Các doanh nghiệp này hiểu được những khó khăn, thách thức cũng như tiềm lực của địa phương mình, từ đó đưa ra những ý tưởng, giải pháp sáng tạo trong công cuộc ứng phó với BĐKH, góp phần cải thiện kinh tế của địa phương, tạo thêm công ăn việc làm.

PHẦN 3

KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC,
NHÀ TÀI TRỢ VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

3.1. Khung hành động của nhà nước và các bên liên quan

3.1.1. Thực hiện chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp về tác động của BĐKH, thiên tai và sự cần thiết thực hiện các hoạt động ứng phó

Cơ quan quản lý nước cần ban hành rộng rãi hơn tới cộng đồng doanh nghiệp các văn bản chính sách liên quan đến quản lý RRTT và BĐKH, đồng thời phải lôi kéo được doanh nghiệp tham gia vào quá trình lập kế hoạch QLRRTT. Theo kết quả khảo sát doanh nghiệp của VCCI: “Sau gần 2,5 năm có hiệu lực, tính tới thời điểm khảo sát tháng 10/2016, mức độ phổ biến của Luật này vẫn chưa cao. Kết quả khảo sát cho thấy, đối với những doanh nghiệp chưa tham gia khóa đào tạo của VCCI và TAF, vẫn có 27% doanh nghiệp lần đầu tiên nghe nói tới văn bản quy phạm pháp luật này; Có 35% doanh nghiệp cho biết có nghe nói sơ sơ và 30% cho biết đã tìm hiểu qua. Chỉ có 8% doanh nghiệp cho biết đã tìm hiểu tương đối kỹ về Luật này”.⁵²

Nhà nước cần đẩy mạnh tuyên truyền cho doanh nghiệp về Chương trình mục tiêu quốc gia về Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2012 – 2015 được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định 1427/QĐ-TTg và các chính sách cụ thể khác, ví dụ Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 về cơ chế khuyến khích năng lượng mặt trời tại Việt Nam, đặc biệt chú trọng tuyên truyền thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu chủ yếu của chương trình như: Triển khai đồng bộ các hoạt động của Chương trình theo chiều sâu, dỡ bỏ các rào cản, tạo bước chuyển biến đột phá trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng cuối cùng, tập trung vào các lĩnh vực: Sản xuất công nghiệp; công trình xây dựng sử dụng nhiều năng lượng; giao thông vận tải; hoạt động dịch vụ, hộ gia đình; phổ biến phương tiện, thiết bị hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng...

⁵² Như trên (VCCI-TAF, 2016)

Nhà nước cũng cần tăng cường phổ biến và tổ chức diễn tập cho doanh nghiệp về thực hiện kế hoạch hành động ứng phó của địa phương. Việc làm này hết sức cần thiết, đặc biệt với các ngành công nghiệp chế biến và sản xuất, vì rất nhiều doanh nghiệp được đặt tại những vùng thấp trũng ven biển. Ví dụ, tại Quy Nhơn, trận lụt năm 2009 đã gây thiệt hại 10 triệu USD cho chỉ một khu công nghiệp đóng tại vùng thoát lũ sông Hà Thanh, trên địa bàn thành phố.⁵³

Cũng theo báo cáo khảo sát của VCCI và TAF: “Vẫn còn tỷ lệ không nhỏ các doanh nghiệp chưa nắm được thông tin về kế hoạch hành động của địa phương về ứng phó với BĐKH. Cụ thể, với các doanh nghiệp chưa tham gia khóa đào tạo của VCCI và TAF, có tới 35% không biết địa phương mình có bản kế hoạch ứng phó với BĐKH và 39% mới nghe nói sơ sơ. Chỉ 21% cho biết đã tìm hiểu qua và 5% cho biết đã tìm hiểu tương đối kỹ về kế hoạch này”.⁵⁴

Song song với truyền thông nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, Nhà nước và các bên liên quan cần nâng cao nhận thức của chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan về vai trò của doanh nghiệp trong phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH, khi chính quyền địa phương và cơ quan hữu quan hiểu rõ họ sẽ hỗ trợ và sẽ có chính sách và kế hoạch hỗ trợ và tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong hoạt động này. Ngoài ra, các cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp như các hiệp hội, các tổ chức phi chính phủ... cũng đóng vai trò quan trọng trong công tác phòng chống rủi ro thiên tai và ứng phó với BĐKH.

⁵³ DiGregorio, M., & Van, H. C. (2012). Living with floods: A grassroots analysis of the causes and impacts of Typhoon Mirinae [Sống chung với lũ: Phân tích ở cấp cơ sở về nguyên nhân và tác động của trận bão Mirinae]. Hanoi, Vietnam: Institute for Social and Environmental Transition-International.

⁵⁴ Như trên (VCCI-TAF, 2016)

3.1.2. Phát triển các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thích ứng với các thách thức và tận dụng được các cơ hội do BĐKH tạo nên

Nhà nước, các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ cần tiến hành những nghiên cứu, đánh giá cụ thể về tác động của rủi ro thiên tai và BĐKH đối với các ngành sản xuất kinh doanh tại các địa phương. Kết quả các nghiên cứu này cần được phổ biến rộng rãi đến các doanh nghiệp, cũng như có khuyến cáo để các doanh nghiệp có cơ sở kịp thời và chính xác nhằm tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh thích ứng với RRTT và BĐKH. Ví dụ, hãy xem cách mà các khách sạn, khu du lịch, resort ứng phó với thiên tai: thứ nhất, khách hàng của họ không phải người địa phương, và họ cần thức ăn và nơi ở; thứ hai, các khu khách sạn này có thể cung cấp nơi trú ẩn cho nhân viên của chính mình cũng như người dân ở cộng đồng xung quanh khi có thiên tai. Vì vậy, sự phối hợp trong quá trình xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, gắn với các nguồn lực, hạ tầng, để đảm bảo có thể chia sẻ một cách hiệu quả khi thiên tai xảy ra, là hết sức cần thiết. Nếu đợi đến khi có thiên tai mới tiến hành các biện pháp phòng chống, như đang được thực hiện phổ biến hiện nay, thì hiệu quả mang lại sẽ rất thấp.

Nhà nước, các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ cần tổ chức những chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp trong ứng phó với RRTT và BĐKH bao gồm cập nhật kiến thức về tình hình, diễn biến của BĐKH để doanh nghiệp có biện pháp ứng phó thích hợp. Hình thức tập huấn nên đa dạng, có thể lồng ghép vào các hội thảo, hội nghị, diễn tập. Đặc biệt, nên phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp để có tiếp cận hiệu quả với các doanh nghiệp.

Nhà nước và các bên có liên quan cần cần phát triển đội ngũ tư vấn và dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp trong lĩnh vực RRTT và BĐKH nhằm

không chỉ hỗ trợ doanh nghiệp về chính sách, pháp luật, thủ tục hành chính có liên quan tới doanh nghiệp về RRTT và BĐKH mà còn hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch ứng phó, thiết kế nhà xưởng hoặc xây dựng kế hoạch kinh doanh thích ứng với RRTT và BĐKH...

Được sự tài trợ của Văn phòng trợ giúp thiên tai nước ngoài thuộc Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (OFDA / USAID), trong 6 năm vừa qua, Quỹ Châu Á phối hợp với Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI), Trung tâm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ 2 (SMEDEC 2), Trung tâm giáo dục và phát triển (CED) đã tiến hành tập huấn cho trên 2.500 cán bộ quản lý và lãnh đạo doanh nghiệp đến từ trên 2.000 doanh nghiệp tại 21 tỉnh thành. Dự án cũng đã đào tạo được 80 giảng viên nguồn về phòng chống rủi ro thiên tai cho doanh nghiệp. Những con người này đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến kiến thức và lôi kéo sự tham gia của các doanh nghiệp trong công tác QLRTT và ứng phó BĐKH trong tương lai.



"Cần có một ngành nghề giảng viên đào tạo, tư vấn quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu cho doanh nghiệp... đã đào tạo được hàng nghìn học viên và giảng viên được đào tạo, tuy nhiên nhiều giảng viên chưa có điều kiện hoặc môi trường để rèn luyện, trau dồi năng lực của mình. Nên chăng chúng ta nghĩ đến việc cần có doanh nghiệp để hoạt động này đi vào chiều sâu."

Ông Nguyễn Diễn, Phó giám đốc VCCI Đà Nẵng⁵⁵

⁵⁵ CED, Bản tin điện tử số 3, 27/02/2017, <http://ungphothientai.com/category/an-pham/e-newsletter/>

3.1.3. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện những sáng kiến nêu trên

Minh bạch hóa việc quản lý và sử dụng Quỹ phòng chống thiên tai là rất cần thiết để giúp doanh nghiệp tin tưởng và ủng hộ quỹ này tốt hơn. Trong cuộc khảo sát của VCCI và TAF năm 2016, cũng có một số doanh nghiệp mong muốn cách tính toán mức phí cần phù hợp với thực tế phát triển doanh nghiệp, đồng thời Quỹ này cần được sử dụng minh bạch, hiệu quả trong việc hỗ trợ doanh nghiệp phòng chống thiên tai.⁵⁶

Bộ Kế hoạch Đầu tư và Bộ Tài chính cần có văn bản để hướng dẫn thực hiện Luật Phòng chống thiên tai trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp. Cụ thể, Bộ Tài chính với Khoản 5, Điều 5 “Ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm rủi ro thiên tai; hỗ trợ đối với doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất, kinh doanh ở vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về phòng, chống thiên tai; chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản đóng góp cho phòng, chống thiên tai.” Và Bộ Kế hoạch Đầu tư với khoản 1.b, Điều 35 về quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế “Tham gia đầu tư dự án xây dựng công trình phòng, chống thiên tai kết hợp đa mục tiêu theo quy hoạch, kế hoạch của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương và được khai thác lợi ích do việc đầu tư mang lại theo quy định của pháp luật”.

Khi có được các hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, các doanh nghiệp sẽ có khả năng tận dụng các điều kiện hiện có để phục vụ cho lợi ích của mình cũng như của cộng đồng trong ứng phó với những thách thức của BĐKH và lập kế hoạch QLRRTT.

⁵⁶ Báo cáo phỏng vấn sâu “Doanh nghiệp Việt Nam ứng phó với rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu” do VCCI và TAF thực hiện năm 2016/00

3.1.4. Điều chỉnh danh mục đầu tư: Hỗ trợ những dự án có công nghệ giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng

Nhà nước nên tiếp tục xây dựng và thực hiện tốt những chính sách cụ thể hỗ trợ doanh nghiệp trong điều kiện RRTT và BĐKH. Theo đó, cần xây dựng những chính sách hỗ trợ theo chuỗi, xuyên suốt từ người nông dân tới doanh nghiệp nhằm ứng phó hiệu quả với RRTT và BĐKH. Bên cạnh đó, Nhà nước cần có những chính sách thúc đẩy các ngân hàng xây dựng những danh mục khuyến khích đầu tư thuộc lĩnh vực có sản phẩm và công nghệ thân thiện với môi trường và hạn chế hoặc không đầu tư cho những lĩnh vực có sản phẩm và công nghệ gây tổn hại tới môi trường. Những chính sách này sẽ khuyến khích các công ty bảo hiểm cung cấp các gói bảo hiểm thiên tai cho doanh nghiệp tại những khu vực chịu rủi ro. Các gói bảo hiểm có thể bao gồm bảo hiểm nông nghiệp dựa trên chỉ số thời tiết, như đang được thí điểm tại ĐBSCL. Nhà nước cũng nên hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục kinh tế thông qua các khoản vay nhanh chóng với lãi suất thấp.

Đặc biệt, đối với ngành năng lượng, nhà nước có thể cung cấp tín dụng thuế cho doanh nghiệp nhằm khuyến khích doanh nghiệp thực hiện các biện pháp giảm thiểu năng lượng tiêu thụ, như tái sử dụng nhiệt lượng thừa (ví dụ như nhà máy xi măng Hà Tiên), sử dụng khí sinh học đối với doanh nghiệp chế biến thủy sản, sử dụng trấu làm nhiên liệu cho lò nung gốm, tận dụng nhiệt thừa để phơi, sấy rác trước khi đốt v.v... Với những chính sách hỗ trợ phù hợp, các doanh nghiệp sẽ nhanh chóng tận dụng cơ hội để giảm thiểu chi phí tiêu thụ năng lượng. Trong nghiên cứu trước đây của TAF và VCCI tiến hành, doanh nghiệp cho biết việc giảm thiểu tiêu thụ năng lượng không chỉ giảm chi phí sản xuất, mà còn giúp tăng khả năng cạnh tranh.

Nhà nước cũng có thể tạo cơ hội cho các ngành nghề mới trong nền kinh tế, như năng lượng mặt trời. Trong nhiều năm, mặc dù vẫn sản xuất tấm pin để xuất khẩu, nhưng việc thương mại hóa năng lượng mặt trời tại Việt Nam không phát triển, do chưa có cơ chế rõ ràng cho doanh nghiệp bán điện (feed-in tariffs). Tuy nhiên, sau Quyết định 11/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam, Bộ Công Thương đã dự thảo thông tư hướng dẫn nhằm phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam. Thông tư này bao gồm mẫu hợp đồng mua điện và các hướng dẫn chi tiết xây dựng, phê duyệt các dự án điện mặt trời cấp tỉnh và quốc gia. Mặc dù vẫn còn một số điểm cần thống nhất trong nội dung thông tư, nhưng sau khi ban hành, thông tư sẽ là căn cứ cho việc hình thành các dự án điện mặt trời quy mô lớn trên phạm vi cả nước.

3.1.5. Hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới theo hướng giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng

Nhà nước cần hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới, đặc biệt là các công nghệ tiên tiến tiết kiệm năng lượng, ít phát thải, các sản phẩm bền vững, thân thiện về môi trường, các biện pháp xử lý chất thải bảo vệ môi trường. Chính phủ Trung Quốc đã dẫn đầu thế giới về hỗ trợ trong nghiên cứu và sản xuất tấm pin mặt trời, pin và các phương tiện giao thông dùng điện với giá thành thấp, hiệu suất cao. Ngoài ra, chính phủ nước này cũng đã dừng việc xây dựng 103 nhà máy nhiệt điện than.⁵⁷ Việt Nam đang bị tụt hậu trong cuộc đua này, và cần tăng tốc hơn nữa để bắt kịp nhịp độ chung, không chỉ để giảm thiểu tác động đến BĐKH, mà còn nhằm tạo cơ hội cho các doanh nghiệp đổi mới và phát triển. Nhà nước nên khuyến khích đầu tư vào công nghệ xanh bằng cách khuyến khích các quỹ đổi mới, quỹ công nghệ hiện có ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực này.

⁵⁷ Forsythe, M. Jan 18, 2017. China cancels 103 coal fired power plants, mindful of smog and wasted capacity. The New York Times accessed at <https://www.nytimes.com/2017/01/18/world/asia/china-coal-power-plants-pollution.html>.

3.2. Kết luận

Rủi ro thiên tai và BĐKH đã gây ra những tác động to lớn đến các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng, với người dân Việt Nam nói chung. Mặc dù vậy, bên cạnh những rủi ro và thách thức, BĐKH cũng mang lại những cơ hội cho doanh nghiệp, nếu biết đón bắt thời cơ, đầu tư cho công nghệ mới, sản xuất xanh, sạch. Nhiều doanh nghiệp đã và đang thành công với mô hình kinh doanh mới thích ứng với BĐKH. Cùng với nỗ lực của người dân và doanh nghiệp, rất cần có những hành động tiếp tục hỗ trợ của Nhà nước và các nhà tài trợ để cộng đồng khắc phục thành công những rủi ro, vượt qua thách thức và tận dụng hiệu quả những cơ hội cho kinh doanh. BĐKH là thách thức chung đối với nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng. Hành động nỗ lực chung của người dân, doanh nghiệp, Nhà nước và nhà tài trợ chắc chắn sẽ giúp Việt Nam vượt qua thách thức do BĐKH gây ra và tiến tới phát triển bền vững.

Để hỗ trợ Việt Nam nói chung và doanh nghiệp nói riêng làm tốt việc thích ứng với BĐKH và góp phần làm giảm nhẹ BĐKH, các tổ chức và nhà tài trợ quốc tế cần tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ Việt Nam qua:

- Thành lập các trung tâm cung cấp thông tin cho doanh nghiệp;
- Thành lập các quỹ đầu tư cho cải tiến và thay đổi công nghệ mới phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của doanh nghiệp;

- Có những chiến dịch truyền thông để thay đổi hành vi của doanh nghiệp đối với vấn đề RRTT và BĐKH;
- Xây dựng và thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ đổi mới sáng tạo nhằm ứng phó với BĐKH;
- Tổ chức phổ biến bài học kinh nghiệm để thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện thành công Nghị định về Chi trả DVMTR;
- Tổ chức nghiên cứu và tổng kết kinh nghiệm để thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện thành công Chương trình hành động quốc gia về "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng" giai đoạn 2011 - 2020;
- Tiếp tục hỗ trợ Việt Nam thực hiện tốt các dự án và chương trình như chương trình Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và các chương trình phát triển cơ sở hạ tầng, giảm nghèo ứng phó với BĐKH...